



Đăng ký

Đăng nhập

Tổ chức thương mại thế giới (WTO) là cơ quan quốc tế duy nhất giải quyết các qui định về thương mại giữa các quốc gia với nhau. Nội dung chính của WTO là các hiệp định được hầu hết các nước có nền thương mại cùng nhau tham gia đàm phán và ký kết. Các văn bản này qui định các cơ sở pháp lý làm nền tảng cho thương mại quốc tế. Các tài liệu đó về cơ bản mang tính ràng buộc các chính phủ phải duy trì một chế độ thương mại trong một khuôn khổ đã được các bên thống nhất. Mặc dù các thoả thuận đạt được là do các chính phủ đàm phán và ký kết nhưng mục đích lại nhằm giúp các nhà sản xuất kinh doanh hàng hoá và dịch vụ trong nước; các nhà hoạt động xuất nhập khẩu có thể tiến hành các hoạt động kinh doanh dễ dàng hơn.

Mục tiêu :

Mục tiêu chính của hệ thống thương mại thế giới là nhằm giúp thương mại được lưu chuyển tự do ở mức tối đa, chừng nào nó còn nằm trong giới hạn không gây ra các ảnh hưởng xấu không muốn có.

Ngoài ra, WTO còn có những mục tiêu sau:

- + Nâng cao mức sống của con người.
- + Bảo đảm tạo đầy đủ công ăn việc làm, tăng trưởng vững chắc thu nhập và nhu cầu thực tế của người lao động.
- + Phát triển việc sử dụng hợp lý của người lao động.
- + Phát triển việc sử dụng hợp lý các nguồn lực của thế giới .
- + Mở rộng việc sản xuất và trao đổi hàng hóa dịch vụ trên phạm vi toàn thế giới.

Chức năng của WTO.

WTO có những chức năng sau đây:

Chức năng thứ nhất của WTO: Là tổ chức các cuộc đàm phán mậu dịch đa biên mà nội dung của nó rất đa dạng đề cập lớn tới nhiều lĩnh vực khác nhau. Thông qua các cuộc đàm phán như vậy, việc tự do hoá mậu dịch của các nước trên thế giới được phát triển, đồng thời những qui tắc quốc tế mới cũng được xây dựng và sửa đổi theo yêu cầu của thời đại.

Chức năng thứ hai của WTO: Là một luật lệ quốc tế chung được các nước thành viên cùng nhau ký kết. WTO đề ra những qui tắc quốc tế về thương mại và đảm bảo các nước thành viên của WTO phải thực hiện các nguyên tắc đó. Đặc trưng của các quyết định và qui tắc của WTO là nó có hiệu lực bắt buộc tất cả các thành viên và có khả năng làm cho mọi thành viên có nghĩa vụ bắt buộc phải thực hiện. Bất cứ một nước thành viên nào một khi đã thừa nhận "hiệp định WTO" và những hiệp định phụ khác của WTO thì nước đó cần phải điều chỉnh hay chuyển các quy định pháp luật và các thủ tục hành chính của mình theo các quy định của WTO.

Chức năng thứ ba của WTO: Là khả năng giải quyết các mâu thuẫn và tranh chấp mậu dịch quốc tế. WTO có chức năng như là một toà án giải quyết các tranh chấp nảy sinh giữa các thành viên trong các lĩnh vực liên quan. Bất cứ một thành viên nào của WTO khi thấy lợi ích của nước mình đang bị xâm hại trong hoạt động kinh tế ở một thị trường nào đó vì có thành viên khác đang thực hiện chính sách trái với các qui tắc của WTO thì có quyền khởi tố lên cơ quan giải quyết mâu thuẫn mậu dịch của WTO và yêu cầu nước đó ngừng các hoạt động kinh tế xâm hại đến lợi ích của mình. Bất cứ thành viên nào cũng phải chấp nhận khi bị các thành viên khác khởi tố lên WTO vì đây là một trong những nghĩa vụ của mọi thành viên, không nước nào có thể tránh khỏi.

Chức năng thứ tư của WTO: Là phát triển nền kinh tế thị trường. Để nền kinh tế thị trường hoạt động và nâng cao được hiệu quả, WTO xúc tiến việc giảm nhẹ qui chế. Phần lớn các nước trước kia theo cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch hoá tập trung hiện nay đều đang chuyển sang nền kinh tế thị trường đã và đang làm thủ tục để xin gia nhập WTO. Qua các cuộc đàm phán cần thiết để gia

ĐÁNH GIÁ:

☆☆☆☆☆ 0 dựa trên 0 đánh giá

NỘI DUNG CÙNG TÁC GIẢ

- ▶ Phưởng hưởng cơ bản đẩy mạnh công tác tiêu thụ sản phẩm ở doanh nghiệp thương mại
- ▶ Xuất khẩu và vai trò của xuất khẩu trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
- ▶ Nội dung và hình thức xuất khẩu chủ yếu của doanh nghiệp
- ▶ Vai trò của đẩy mạnh công tác tiêu thụ sản phẩm ở doanh nghiệp thương mại
- ▶ Những ảnh hưởng của WTO đối với các nước đang phát triển
- ▶ Mục tiêu, chức năng và nguyên tắc hoạt động của WTO
- ▶ Các yếu tố ảnh hưởng đến đẩy mạnh công tác tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp thương mại
- ▶ Sự ra đời của WTO
- ▶ Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp
- ▶ Nội dung chủ yếu của công tác tiêu thụ sản phẩm ở doanh nghiệp thương mại

TRƯỚC | TIẾP

NỘI DUNG TƯƠNG TỰ

- ▶ Tổ chức thương mại thế giới
- ▶ Thủ tục khi tham gia vào tổ chức thương mại thế giới WTO
- ▶ Bối cảnh và sự ra đời của WTO
- ▶ Lịch sử thành lập AGTT, các cuộc đàm phán thương mại của vòng đàm phán Uruguay và hệ thống WTO
- ▶ WTO



đồng nghiệp các hoạt động kinh tế xanh nhằm lợi ích của mình. Đại cử đoàn viên nào cũng phải chấp nhận khi bị các đoàn viên khác khởi tố lên WTO vì đây là một trong những nghĩa vụ của mọi thành viên, không nước nào có thể tránh khỏi.

Chức năng thứ tư của WTO: Là phát triển nền kinh tế thị trường. Để nền kinh tế thị trường hoạt động và nâng cao được hiệu quả, WTO xúc tiến việc giảm nhẹ qui chế. Phần lớn các nước trước kia theo cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch hoá tập trung hiện nay đều đang chuyển sang nền kinh tế thị trường đã và đang làm thủ tục để xin gia nhập WTO. Qua các cuộc đàm phán cần thiết để gia nhập WTO, các nước này có thể tìm hiểu được về hệ thống kinh tế thị trường và đồng thời sắp xếp lại những chế độ và qui tắc để có thể quản lý nền kinh tế theo cơ chế thị trường.

Các nguyên tắc của WTO.

Các hiệp định của WTO mang tính chất lâu dài và phức tạp đó là vì những văn bản pháp lý bao trùm nhiều lĩnh vực hoạt động rộng lớn. Các hiệp định này giải quyết các vấn đề liên quan đến: nông nghiệp, hàng dệt may, ngân hàng, bưu chính viễn thông, mua sắm chính phủ, tiêu chuẩn công nghiệp, các qui định về vệ sinh dịch tễ, sở hữu trí tuệ và nhiều lĩnh vực khác nữa. Tuy nhiên có một số các nguyên tắc hết sức cơ bản và đơn giản xuyên suốt tất cả các hiệp định. Các nguyên tắc đó chính là nền tảng của hệ thống thương mại đa biên. Sau đây là chi tiết các nguyên tắc đó.

Nguyên tắc thứ nhất: Là thương mại không phân biệt đối xử. Nguyên tắc này được áp dụng bằng hai loại đãi ngộ song song, đó là đãi ngộ tối huệ quốc và đối xử quốc gia.

Nguyên tắc đãi ngộ tối huệ quốc (MFN): đối xử mọi người bình đẳng như nhau. Theo qui định của các hiệp định WTO, nguyên tắc này được áp dụng như sau: Mỗi thành viên đối xử với mọi thành viên khác bình đẳng với nhau như là các bạn hàng được ưu đãi nhất. Nếu như một nước cho một nước khác được hưởng lợi nhiều hơn thì đối xử "tốt nhất" đó phải được giành cho tất cả các nước thành viên WTO khác để các nước khác vẫn tiếp tục có được đối xử tối huệ quốc. Nguyên tắc MFN đảm bảo rằng mỗi thành viên WTO đối xử trên 140 thành viên khác tương tự nhau.

Nguyên tắc này rất quan trọng vì vậy nó được ghi nhận tại điều đầu tiên của hiệp định chung về quan thuế và thương mại GATT về thương mại hàng hoá. Nguyên tắc MFN cũng được đề cao trong hiệp định chung về dịch vụ GATS, hiệp định về quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại TRIMs tuy có khác nhau một ít ở từng hiệp định.

Đối xử quốc gia (NT): đối xử người nước ngoài và người trong nước như nhau. Hàng nhập khẩu và hàng sản xuất trong nước phải được đối xử như nhau, ít nhất là sau khi hàng hoá nhập khẩu đã đi vào đến thị trường nội địa. Theo nguyên tắc này, khi áp dụng những qui chế trong nước và thuế nội địa đối với hàng nhập khẩu thì phải cung cấp các điều kiện tương tự như đối với sản phẩm trong nước. Ví thể các thành viên của WTO không được áp dụng thuế nội địa để bảo vệ sản xuất trong nước và không được phân biệt đối xử đối với hàng nhập khẩu từ các nước thành viên WTO khác.

Nguyên tắc này cũng áp dụng cho dịch vụ nhãn hiệu thương mại, bản quyền và quyền phát minh sáng chế trong nước và của nước ngoài. Đối xử quốc gia chỉ áp dụng được khi hàng hoá dịch vụ và đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ đã vào đến thị trường. Vì vậy, việc đánh thuế nhập khẩu hàng hoá không vi phạm nguyên tắc này mặc dù hàng nội địa không chịu thuế tương tự.

Nguyên tắc thứ hai: Thương mại phải ngày càng được tự do thông qua đàm phán. WTO đảm bảo thương mại giữa các nước ngày càng tự do hơn thông qua quá trình đàm phán hạ thấp hàng rào thuế quan để thúc đẩy buôn bán. Hàng rào thương mại bao gồm thuế quan, và các biện pháp khác như cấm nhập khẩu, quota có tác dụng hạn chế nhập khẩu có chọn lọc, đôi khi vấn đề khác như tệ quan liêu, chính sách ngoại hối cũng được đưa ra đàm phán.

Kể từ khi GATT, sau đó là WTO được thành lập đã tiến hành 8 vòng đàm phán để giảm thuế quan, dỡ bỏ hàng rào phi thuế quan và mở cửa thị trường. Để thực hiện nguyên tắc tự do thương mại này, WTO đảm nhận chức năng là diễn đàn đàm phán thương mại đa phương để các nước có thể liên tục thảo luận về vấn đề tự do hoá thương mại.

- ▶ Bối cảnh và sự ra đời của WTO
- ▶ Lịch sử thành lập AGTT, các cuộc đàm phán thương mại của vòng đàm phán Uruguay và hệ thống WTO
- ▶ WTO
- ▶ Những thuận lợi và thách thức khi Việt Nam trở thành thành viên của WTO
- ▶ Biện pháp tự vệ (thương mại)
- ▶ Các cách hiểu về phá giá
- ▶ Tổ chức thương mại thế giới
- ▶ Sự ra đời của WTO



đồng nghiệp các hoạt động kinh tế xanh nhằm lợi ích của mình. Đại cử đoàn viên nào cũng phải chấp nhận khi bị các đoàn viên khác khởi tố lên WTO vì đây là một trong những nghĩa vụ của mọi thành viên, không nước nào có thể tránh khỏi.

Chức năng thứ tư của WTO: Là phát triển nền kinh tế thị trường. Để nền kinh tế thị trường hoạt động và nâng cao được hiệu quả, WTO xúc tiến việc giảm nhẹ qui chế. Phần lớn các nước trước kia theo cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch hoá tập trung hiện nay đều đang chuyển sang nền kinh tế thị trường đã và đang làm thủ tục để xin gia nhập WTO. Qua các cuộc đàm phán cần thiết để gia nhập WTO, các nước này có thể tìm hiểu được về hệ thống kinh tế thị trường và đồng thời sắp xếp lại những chế độ và qui tắc để có thể quản lý nền kinh tế theo cơ chế thị trường.

Các nguyên tắc của WTO.

Các hiệp định của WTO mang tính chất lâu dài và phức tạp đó là vì những văn bản pháp lý bao trùm nhiều lĩnh vực hoạt động rộng lớn. Các hiệp định này giải quyết các vấn đề liên quan đến: nông nghiệp, hàng dệt may, ngân hàng, bưu chính viễn thông, mua sắm chính phủ, tiêu chuẩn công nghiệp, các qui định về vệ sinh dịch tễ, sở hữu trí tuệ và nhiều lĩnh vực khác nữa. Tuy nhiên có một số các nguyên tắc hết sức cơ bản và đơn giản xuyên suốt tất cả các hiệp định. Các nguyên tắc đó chính là nền tảng của hệ thống thương mại đa biên. Sau đây là chi tiết các nguyên tắc đó.

Nguyên tắc thứ nhất: Là thương mại không phân biệt đối xử. Nguyên tắc này được áp dụng bằng hai loại đãi ngộ song song, đó là đãi ngộ tối huệ quốc và đối xử quốc gia.

Nguyên tắc đãi ngộ tối huệ quốc (MFN): đối xử mọi người bình đẳng như nhau. Theo qui định của các hiệp định WTO, nguyên tắc này được áp dụng như sau: Mỗi thành viên đối xử với mọi thành viên khác bình đẳng với nhau như là các bạn hàng được ưu đãi nhất. Nếu như một nước cho một nước khác được hưởng lợi nhiều hơn thì đối xử "tốt nhất" đó phải được giành cho tất cả các nước thành viên WTO khác để các nước khác vẫn tiếp tục có được đối xử tối huệ quốc. Nguyên tắc MFN đảm bảo rằng mỗi thành viên WTO đối xử trên 140 thành viên khác tương tự nhau.

Nguyên tắc này rất quan trọng vì vậy nó được ghi nhận tại điều đầu tiên của hiệp định chung về quan thuế và thương mại GATT về thương mại hàng hoá. Nguyên tắc MFN cũng được đề cao trong hiệp định chung về dịch vụ GATS, hiệp định về quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại TRIMs tuy có khác nhau một ít ở từng hiệp định.

Đối xử quốc gia (NT): đối xử người nước ngoài và người trong nước như nhau. Hàng nhập khẩu và hàng sản xuất trong nước phải được đối xử như nhau, ít nhất là sau khi hàng hoá nhập khẩu đã đi vào đến thị trường nội địa. Theo nguyên tắc này, khi áp dụng những qui chế trong nước và thuế nội địa đối với hàng nhập khẩu thì phải cung cấp các điều kiện tương tự như đối với sản phẩm trong nước. Ví thể các thành viên của WTO không được áp dụng thuế nội địa để bảo vệ sản xuất trong nước và không được phân biệt đối xử đối với hàng nhập khẩu từ các nước thành viên WTO khác.

Nguyên tắc này cũng áp dụng cho dịch vụ nhãn hiệu thương mại, bản quyền và quyền phát minh sáng chế trong nước và của nước ngoài. Đối xử quốc gia chỉ áp dụng được khi hàng hoá dịch vụ và đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ đã vào đến thị trường. Vì vậy, việc đánh thuế nhập khẩu hàng hoá không vi phạm nguyên tắc này mặc dù hàng nội địa không chịu thuế tương tự.

Nguyên tắc thứ hai: Thương mại phải ngày càng được tự do thông qua đàm phán. WTO đảm bảo thương mại giữa các nước ngày càng tự do hơn thông qua quá trình đàm phán hạ thấp hàng rào thuế quan để thúc đẩy buôn bán. Hàng rào thương mại bao gồm thuế quan, và các biện pháp khác như cấm nhập khẩu, quota có tác dụng hạn chế nhập khẩu có chọn lọc, đôi khi vấn đề khác như tệ quan liêu, chính sách ngoại hối cũng được đưa ra đàm phán.

Kể từ khi GATT, sau đó là WTO được thành lập đã tiến hành 8 vòng đàm phán để giảm thuế quan, dỡ bỏ hàng rào phi thuế quan và mở cửa thị trường. Để thực hiện nguyên tắc tự do thương mại này, WTO đảm nhận chức năng là diễn đàn đàm phán thương mại đa phương để các nước có thể liên tục thảo luận về vấn đề tự do hoá thương mại.

- ▶ Bối cảnh và sự ra đời của WTO
 - ▶ Lịch sử thành lập AGTT, các cuộc đàm phán thương mại của vòng đàm phán Uruguay và hệ thống WTO
 - ▶ WTO
 - ▶ Những thuận lợi và thách thức khi Việt Nam trở thành thành viên của WTO
 - ▶ Biện pháp tự vệ (thương mại)
 - ▶ Các cách hiểu về phá giá
 - ▶ Tổ chức thương mại thế giới
 - ▶ Sự ra đời của WTO
- ◀ TRƯỚC | TIẾP ▶



tệ quan liêu, chính sách ngoại hối cũng được đưa ra đàm phán.

Kể từ khi GATT, sau đó là WTO được thành lập đã tiến hành 8 vòng đàm phán để giảm thuế quan, dỡ bỏ hàng rào phi thuế quan và mở cửa thị trường. Để thực hiện nguyên tắc tự do thương mại này, WTO đảm nhận chức năng là diễn đàn đàm phán thương mại đa phương để các nước có thể liên tục thảo luận về vấn đề tự do hoá thương mại.

Nguyên tắc thứ ba: WTO tạo ra môi trường cạnh tranh ngày càng bình đẳng. WTO là một hệ thống các nguyên tắc nhằm thúc đẩy cạnh tranh tự do, công bằng và không bị bóp méo. Các quy định về phân biệt đối xử được xây dựng nhằm đảm bảo các điều kiện công bằng trong thương mại. Các điều khoản về chống phá giá, trợ cấp cũng nhằm mục đích tương tự. Tất cả các hiệp định của WTO như Nông nghiệp, dịch vụ, quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại đều nhằm mục đích tạo ra được một môi trường cạnh tranh ngày càng bình đẳng hơn giữa các nước.

Nguyên tắc thứ tư: Tính tiên liệu được thông qua ràng buộc thuế. Các cam kết không tăng thuế cũng quan trọng như việc cắt giảm thuế vì cam kết như vậy tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có thể dự đoán tốt hơn các cơ hội trong tương lai.

Trong WTO, khi các nước thoả thuận mở cửa thị trường cho các hàng hoá và dịch vụ nước ngoài, họ phải tiến hành ràng buộc các cam kết thuế. Đối với thương mại hàng hoá, các ràng buộc này được thể hiện dưới hình thức thuế trần.

Một nước có thể thay đổi mức thuế ràng buộc, tuy nhiên điều này chỉ có thể thực hiện được sau khi nước đó đã đàm phán với các nước bạn hàng và có nghĩa là phải bồi thường cho khối lượng thương mại đã bị mất. Qua vòng đàm phán Uruguay, một khối lượng thương mại lớn được hưởng cam kết về ràng buộc thuế. Tính riêng trong lĩnh vực hàng nông sản 100% sản phẩm đã được ràng buộc thuế. Kết quả là WTO đã tạo được sự đảm bảo cao hơn cho các doanh nghiệp và các nhà đầu tư.

Nguyên tắc thứ năm: Các thoả thuận thương mại khu vực. WTO thừa nhận các thoả thuận thương mại khu vực nhằm mục tiêu đẩy mạnh tự do hoá thương mại. Các liên kết như vậy là một ngoại lệ của nguyên tắc đãi ngộ Tối huệ quốc theo những tiêu chuẩn nghiêm ngặt, nhằm bảo đảm các thoả thuận này tạo thuận lợi cho thương mại các nước liên quan song không làm tăng hàng rào cản trở thương mại với các nước ngoài liên kết.

Nguyên tắc thứ sáu: Các điều kiện đặc biệt dành cho các nước đang phát triển. WTO là một tổ chức quốc tế với hơn 2/3 tổng số nước thành viên là các nước đang phát triển và các nền kinh tế đang chuyển đổi, vì thế một trong những nguyên tắc cơ bản của WTO là khuyến khích phát triển, dành những điều kiện đối xử đặc biệt và khác biệt cho các nước này, với mục tiêu đảm bảo sự tham gia sâu rộng hơn của họ vào hệ thống thương mại đa biên. Để thực hiện được nguyên tắc này, WTO dành cho các nước đang phát triển và các nền kinh tế đang chuyển đổi những linh hoạt và các ưu đãi nhất định trong việc thực thi các hiệp định, đồng thời chú ý đến việc trợ giúp kỹ thuật cho các nước này.

👍 Thích 0 📄 Chia sẻ 0 🐦 Tweet 🍏 G+ 0 ❤️ 0

0 bình luận

Sắp xếp theo Cũ nhất ▼



Thêm bình luận...



tác chặt chẽ hơn nữa giữa các tổ chức này.

1.2. Hiến chương ASEAN, văn kiện pháp lý quan trọng của ASEAN (15/12/2009) đã khẳng định lại các mục tiêu cơ bản trên, đồng thời bổ sung thêm các mục tiêu mới cho phù hợp với tình hình, cụ thể gồm 15 mục tiêu sau:

- i. Duy trì và thúc đẩy hòa bình, an ninh và ổn định và tăng cường hơn nữa các giá trị hướng tới hòa bình trong khu vực;
- ii. Nâng cao khả năng tự cường khu vực thông qua đẩy mạnh hợp tác chính trị, an ninh, kinh tế và văn hóa – xã hội;
- iii. Duy trì Đông Nam Á là một Khu vực Không có Vũ khí Hạt nhân và các loại vũ khí hủy diệt hàng loạt khác;
- iv. Đảm bảo rằng nhân dân và các Quốc gia thành viên ASEAN được sống hòa bình với toàn thể giới nói chung trong một môi trường công bằng, dân chủ và hòa hợp;
- v. Xây dựng một thị trường và cơ sở sản xuất duy nhất với sự ổn định, thịnh vượng, khả năng cạnh tranh và liên kết kinh tế cao, tạo thuận lợi cho thương mại và đầu tư, bao gồm sự trung chuyển tự do hàng hóa, dịch vụ và dòng đầu tư; di chuyển thuận lợi của các doanh nhân, những người có chuyên môn cao, những người có tài năng và lực lượng lao động, và sự chu chuyển tự do hơn các dòng vốn;
- vi. Giảm nghèo và thu hẹp khoảng cách phát triển trong ASEAN thông qua hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau;
- vii. Tăng cường dân chủ, thúc đẩy quản trị tốt và pháp quyền, thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền và các quyền tự do cơ bản, với sự tôn trọng thích đáng các quyền và trách nhiệm của các Quốc gia Thành viên ASEAN;
- viii. Đối phó hữu hiệu với tất cả các mối đe dọa, các loại tội phạm xuyên quốc gia và các thách thức xuyên biên giới, phù hợp với nguyên tắc an ninh toàn diện;
- ix. Thúc đẩy phát triển bền vững nhằm bảo vệ môi trường khu vực, tính bền vững của các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn di sản văn hóa và chất lượng cuộc sống cao của người dân khu vực;
- x. Phát triển nguồn nhân lực thông qua hợp tác chặt chẽ hơn trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo lâu dài, trong khoa học và công nghệ, để tăng cường quyền năng cho người dân ASEAN và thúc đẩy Cộng đồng ASEAN;
- xi. Nâng cao phúc lợi và đời sống của người dân ASEAN thông qua việc tạo điều kiện để họ tiếp cận bình đẳng các cơ hội về phát triển con người, phúc lợi và công bằng xã hội;

toàn, an ninh và không có ma túy;

- xiii. Thúc đẩy hình thành một ASEAN hướng về nhân dân, trong đó khuyến khích mọi thành phần xã hội tham gia và hưởng lợi từ tiến trình liên kết và xây dựng cộng đồng ASEAN;
- xiv. Thúc đẩy một bản sắc ASEAN thông qua việc nâng cao hơn nữa nhận thức về sự đa dạng văn hóa và các di sản của khu vực; và
- xv. Duy trì vai trò trung tâm và chủ động của ASEAN như là động lực chủ chốt trong quan hệ và hợp tác với các đối tác bên ngoài trong một cấu trúc khu vực mở, minh bạch và thu nạp.

2. Các nguyên tắc và phương thức hoạt động

2.1. Các nguyên tắc cơ bản:

Hiến chương ASEAN khẳng định lại các nguyên tắc cơ bản của ASEAN (gồm 13 nguyên tắc) về: Tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bình đẳng, bản sắc dân tộc; Không xâm lược hoặc đe dọa sử dụng vũ lực; giải quyết hòa bình các tranh chấp; không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau..., đồng thời bổ sung một số nguyên tắc mới như: Tăng cường tham vấn về những vấn đề có ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích chung của ASEAN; Không tham gia vào bất kỳ hoạt động nào nhằm sử dụng lãnh thổ của một nước thành viên đe dọa đến chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và ổn định kinh tế của các nước thành viên khác...

Cụ thể, Điều 2 Hiến chương ASEAN nêu rõ: ASEAN và các Quốc gia Thành viên hoạt động theo các Nguyên tắc dưới đây:

- i) Tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, toàn vẹn lãnh thổ và bản sắc dân tộc của tất cả các Quốc gia thành viên;
- ii) Cùng cam kết và chia sẻ trách nhiệm tập thể trong việc thúc đẩy hòa bình, an ninh và thịnh vượng ở khu vực;
- iii) Không xâm lược, sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực hay các hành động khác dưới bất kỳ hình thức nào trái với luật pháp quốc tế;
- iv) Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình;
- v) Không can thiệp vào công việc nội bộ của các Quốc gia thành viên ASEAN;
- vi) Tôn trọng quyền của các Quốc gia Thành viên được quyết định vận mệnh của mình mà không có sự can thiệp, lật đổ và áp đặt từ bên ngoài;

- v) Không can thiệp vào công việc nội bộ của các Quốc gia Thành viên ASEAN;
- vi) Tôn trọng quyền của các Quốc gia Thành viên được quyết định vận mệnh của mình mà không có sự can thiệp, lật đổ và áp đặt từ bên ngoài;
- vii) Tăng cường tham vấn về các vấn đề có ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích chung của ASEAN;
- viii) Tuân thủ pháp quyền, quản trị tốt, các nguyên tắc của nền dân chủ và chính phủ hợp hiến;
- ix) Tôn trọng các quyền tự do cơ bản, thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền, và đẩy mạnh công bằng xã hội;
- x) Đề cao Hiến chương Liên Hợp Quốc và luật pháp quốc tế bao gồm cả luật nhân đạo quốc tế mà các Quốc gia Thành viên đã tham gia;
- xi) Không tham gia vào bất kỳ một chính sách hay hoạt động nào, kể cả việc sử dụng lãnh thổ của một nước, do bất kỳ một Quốc gia Thành viên ASEAN hay ngoài ASEAN hoặc đối tượng không phải là quốc gia tiến hành, đe dọa đến chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ hay sự ổn định chính trị và kinh tế của các Quốc gia Thành viên ASEAN;
- xii) Tôn trọng sự khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ và tôn giáo của người dân ASEAN, đồng thời nhấn mạnh những giá trị chung trên tinh thần thống nhất trong đa dạng;
- xiii) Giữ vững vai trò trung tâm của ASEAN trong các quan hệ về chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội với bên ngoài, đồng thời vẫn duy trì tính chủ động, hướng ra bên ngoài, thu nạp và không phân biệt đối xử; và
- xiv) Tuân thủ các nguyên tắc thương mại đa biên và các cơ chế dựa trên luật lệ của ASEAN nhằm triển khai có hiệu quả các cam kết kinh tế, và giảm dần, tiến tới loại bỏ hoàn toàn các rào cản đối với liên kết kinh tế khu vực, trong một nền kinh tế do thị trường thúc đẩy.

2.2. Các phương thức hoạt động:

i) *Phương thức ra quyết định: Tham vấn và Đồng thuận (consultation & consensus)* – Mọi vấn đề của ASEAN đều phải tham vấn tất cả các nước thành viên ASEAN và quyết định chỉ được thông qua khi tất cả các nước thành viên đều nhất trí hoặc không phản đối. Phương thức này đã được áp dụng lâu dài và trở thành một nguyên tắc “bất thành văn” được các nước tôn trọng.

ii) *Nguyên tắc trong quan hệ với các đối tác:* trong triển khai quan hệ đối ngoại của ASEAN, các quốc gia Thành viên sẽ phải hợp tác và nỗ lực xây dựng lên trường chung sống chung

nap và không phân biệt đối xử; và

- xiv) Tuân thủ các nguyên tắc thương mại đa biên và các cơ chế dựa trên luật lệ của ASEAN nhằm triển khai có hiệu quả các cam kết kinh tế, và giảm dần, tiến tới loại bỏ hoàn toàn các rào cản đối với liên kết kinh tế khu vực, trong một nền kinh tế do thị trường thúc đẩy.

2.2. Các phương thức hoạt động:

i) *Phương thức ra quyết định: Tham vấn và Đồng thuận (consultation & consensus)* – Mọi vấn đề của ASEAN đều phải tham vấn tất cả các nước thành viên ASEAN và quyết định chỉ được thông qua khi tất cả các nước thành viên đều nhất trí hoặc không phản đối. Phương thức này đã được áp dụng lâu dài và trở thành một nguyên tắc “bất thành văn” được các nước tôn trọng.

ii) *Nguyên tắc trong quan hệ với các đối tác:* trong triển khai quan hệ đối ngoại của ASEAN, các quốc gia Thành viên sẽ phối hợp và nỗ lực xây dựng lập trường chung cũng như tiến hành các hoạt động chung trên cơ sở thống nhất và đoàn kết, tuân thủ các mục tiêu và nguyên tắc đề ra trong Hiến chương (theo Điều 41 Hiến chương ASEAN).

iii) *Tiếp cận và thoát mái với tất cả các bên:* hợp tác khu vực phải được tiến hành từng bước, bảo đảm phù hợp với lợi ích, khả năng của các nước và tất cả đều có thể tham gia, đóng góp, không thành viên nào bị “bỏ lại”. Điều này xuất phát từ thực tế rất đa dạng ở khu vực; các nước khác nhau về chế độ chính trị - xã hội, trình độ phát triển, điều kiện văn hóa, lịch sử...

Ngày đăng: 10/12/2015, 07:29 pm

🖨️ Bản in Facebook Twitter Google+ Thích 0

Tin liên quan:

» Ban thư ký ASEAN tại Jakarta, Indonesia

Trang chủ Chính trị - An ninh Kinh tế Văn hóa - Xã hội Quan hệ đối thoại Hình ảnh Video Sơ đồ website Liên hệ

Vụ ASEAN - Bộ Ngoại giao
Ban thư ký ASEAN Quốc gia Việt Nam
Tel: (+84) 04 3799 3504 hoặc (+84) 04 3799 3496
Email: asean.mfa@mofa.gov.vn

I. Khái quát chung về ASEAN

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập ngày 8 tháng 8 năm 1967 trên cơ sở Tuyên bố Băng-cốc, với 5 nước thành viên ban đầu là In-đô-nê-xi-a, Ma-lay-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po và Thái Lan. Sau 40 năm tồn tại và phát triển với nhiều thăng trầm, ASEAN ngày nay đã trở thành một tổ chức hợp tác khu vực liên Chính phủ bao gồm cả 10 quốc gia Đông Nam Á (thêm 5 nước là Brunei, Cămpuchia, Lào, Mianma và Việt Nam), là một thực thể chính trị-kinh tế quan trọng ở Châu Á - Thái Bình Dương và là đối tác không thể thiếu trong chính sách khu vực của các nước lớn và các trung tâm quan trọng trên thế giới. Hiện nay, ASEAN đang chuyển sang giai đoạn phát triển mới với mục tiêu bao trùm là hình thành Cộng đồng ASEAN vào năm 2015 và hoạt động dựa trên cơ sở pháp lý là Hiến chương ASEAN.

II. Mục tiêu xây dựng cộng đồng ASEAN

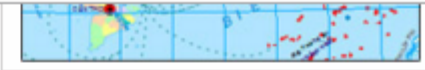
1/. Quá trình hình thành.

1.1. Tháng 12/1997, nhân kỷ niệm 30 năm ngày thành lập ASEAN và sau khi Hiệp hội đã bao gồm cả 10 quốc gia Đông Nam Á, Lãnh đạo các nước ASEAN đã thông qua văn kiện quan trọng **Tầm nhìn ASEAN 2020**, với mục tiêu tổng quát là đưa Hiệp hội trở thành "một nhóm hài hoà các dân tộc Đông Nam Á, gắn bó trong một cộng đồng các xã hội đùm bọc lẫn nhau". Để triển khai Tầm nhìn 2020, Hội nghị Cấp cao ASEAN 6 (Hà Nội, tháng 12/1998) đã thông qua Chương trình Hành động Hà Nội (HPA) cho giai đoạn 1999-2004, trong đó đề ra các biện pháp/hoạt động cụ thể để thúc đẩy hợp tác ASEAN trên các lĩnh vực chính trị-an ninh, kinh tế, văn hóa-xã hội và quan hệ đối ngoại. Do chịu tác động nặng nề của cuộc khủng hoảng tài chính khu vực năm 1997-1998, nên hợp tác ASEAN nói chung và việc thực hiện các dự án trong khuôn khổ HPA nói riêng giai đoạn này chủ yếu tập trung vào khôi phục và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong khu vực cũng như khắc phục những hậu quả về mặt xã hội của cuộc khủng hoảng đối với các nước thành viên.

1.2. Tháng 10/2003, Lãnh đạo các nước ASEAN đã ký Tuyên bố Hòa hợp ASEAN II (hay còn gọi là Tuyên bố Ba-li II), nhất trí đề ra mục tiêu hình thành Cộng đồng ASEAN vào năm 2020 với ba trụ cột chính: Cộng đồng An ninh (ASC), Cộng đồng Kinh tế (AEC) và Cộng đồng Văn hóa-Xã hội (ASCC); đồng thời khẳng định ASEAN sẽ tiếp tục đẩy mạnh và mở rộng quan hệ với các đối tác bên ngoài, vì mục tiêu chung là hòa bình, ổn định và hợp tác cùng có lợi ở khu vực. Để triển khai và kế tục Chương trình Hành động Hà Nội (HPA), ASEAN đã đề ra Chương trình Hành động Viên Chấn (VAP) cho giai đoạn 2004-2010 và các Kế hoạch hành động (KHHĐ) để xây dựng ba trụ cột Cộng đồng về chính trị-an ninh, kinh tế và văn hóa-xã hội, trong đó có hợp phần quan trọng là thực hiện Sáng kiến Liên kết ASEAN (IAL) nhằm giúp thu hẹp khoảng cách phát triển trong ASEAN với kế hoạch hành động và các dự án cụ thể.

1.3. Để kịp thích ứng với những chuyển biến nhanh chóng và phức tạp của tình hình quốc tế và khu vực cũng như trên cơ sở những thành tựu của ASEAN trong 40 năm qua nhất là kết quả thực hiện Chương trình Hành động Viên Chấn (VAP), Lãnh đạo các nước ASEAN tháng 1/2007 đã quyết tâm đẩy nhanh tiến trình liên kết nội khối dựa trên cơ sở pháp lý là Hiến chương ASEAN, nhất trí mục tiêu hình thành Cộng đồng ASEAN vào năm 2015 (thay vì vào năm 2020 như thỏa thuận trước đây).

Theo đó, ASEAN đã khẩn trương xúc tiến xây dựng các Kế hoạch tổng thể (Blueprint) để xây dựng Cộng đồng Chính trị-An ninh (APSC), Cộng đồng Kinh tế (AEC) và Cộng đồng Văn hóa-Xã hội (ASCC), trong đó đề ra mục tiêu và thời hạn hoàn thành đối với từng biện pháp/hoạt động cụ thể.



Trang tin
Văn phòng Chính phủ



Chuyên trang Thủ đô
Hà Nội



Chuyên trang Thành phố
Hồ Chí Minh



Chương trình chuyên đề
Việt Nam Online



thực hiện nhiệm vụ ngày 10/12/2009.

1.4. Hội nghị Cấp cao ASEAN-14 (tháng 2/2009) đã thông qua Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN kèm theo 3 Kế hoạch tổng thể xây dựng 3 trụ cột Cộng đồng ASEAN và Kế hoạch công tác về IAI giai đoạn 2 (2008-2015), đây là một văn kiện quan trọng như một chương trình hành động tổng thể đề ra khuôn khổ và các bước triển khai cụ thể để ASEAN tiếp tục đẩy mạnh nỗ lực thực hiện mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN vào năm 2015, kế tục Chương trình Hành động Viên Chấn (VAP).

2. Nội dung chính của Cộng đồng ASEAN.

2.1. Mục tiêu tổng quát của **Cộng đồng ASEAN** là xây dựng Hiệp hội thành một tổ chức hợp tác liên Chính phủ liên kết sâu rộng hơn và ràng buộc hơn trên cơ sở pháp lý là Hiến chương ASEAN; nhưng không phải là một tổ chức siêu quốc gia và không khép kín mà vẫn mở rộng hợp tác với bên ngoài.

Cộng đồng ASEAN sẽ được hình thành dựa trên 3 trụ cột là Cộng đồng Chính trị-An ninh, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Văn hóa-Xã hội. Quan hệ đối ngoại của ASEAN cũng như mục tiêu thu hẹp khoảng cách phát triển trong ASEAN (nhất là: IAI) được lồng ghép vào nội dung của từng trụ cột Cộng đồng ASEAN.

2.2. **Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC)** nhằm mục tiêu là tạo dựng một môi trường hòa bình và an ninh cho phát triển ở khu vực Đông Nam Á thông qua việc nâng hợp tác chính trị-an ninh ASEAN lên tầm cao mới, với sự tham gia và đóng góp xây dựng của các đối tác bên ngoài; không nhằm tạo ra một khối phòng thủ chung.

Kế hoạch hành động xây dựng APSC (được thông qua tại Cấp cao ASEAN-10, tháng 11/2004) đã khẳng định lại các mục tiêu và nguyên tắc cơ bản của Hiệp hội và đề ra 6 lĩnh vực (thành tố) hợp tác chính gồm: (i) Hợp tác chính trị; (ii) Xây dựng và chia sẻ chuẩn mực ứng xử; (iii) Ngăn ngừa xung đột; (iv) Giải quyết xung đột; (v) Kiến tạo hòa bình sau xung đột; và (vi) Cơ chế thực hiện. Kèm theo đó là danh mục 75 hoạt động cụ thể để xây dựng APSC. Tuy nhiên, Kế hoạch hành động về APSC cũng như Chương trình hành động Viên Chấn (VAP) không quy định mục tiêu cụ thể và lộ trình thực hiện đối với các hoạt động thuộc 6 thành tố nói trên. Kế hoạch tổng thể về APSC mà ASEAN đang soạn thảo sẽ tập trung vào khía cạnh này, cụ thể hóa các hoạt động hợp tác về chính trị-an ninh.

Việc thực hiện VAP và KHHĐ về APSC đã đạt được những tiến triển tích cực. Hầu hết các biện pháp/hoạt động đã hoàn tất và đang được triển khai nằm trong 3 lĩnh vực đầu (Hợp tác chính trị; Hình thành và chia sẻ các chuẩn mực và Ngăn ngừa xung đột), trong đó tiến triển mới đáng chú ý là hoàn tất xây dựng Hiến chương ASEAN, hình thành cơ chế Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN, ký kết Công ước ASEAN về chống khủng bố, ... Tuy nhiên, đối với 2 lĩnh vực còn lại (Giải quyết xung đột và Kiến tạo hòa bình sau xung đột) hầu như chưa có hoạt động nào được triển khai chủ yếu do các nước còn dè dặt, vì đây là những lĩnh vực mới và có phần phức tạp, nhạy cảm.

Trên cơ sở tiếp nối Kế hoạch hành động về APSC và Chương trình hành động Viên-chấn (hợp phần ASC) và phù hợp với quyết tâm rút ngắn xây dựng Cộng đồng ASEAN, ASEAN đã thông qua Kế hoạch tổng thể về APSC, nằm trong Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN vào 2015 được thông qua tại Cấp cao ASEAN-14 (tháng 2/2009). Các nội dung hợp tác trong Kế hoạch tổng thể cơ bản dựa trên các nội dung đã nêu trong Kế hoạch hành động ASC, bổ sung thêm mục hợp tác với bên ngoài và được sắp xếp lại, hướng tới xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh với ba đặc trưng chính: một Cộng đồng hoạt động theo luật lệ với các giá trị, chuẩn mực chung; một Khu vực gắn kết, hoà bình và tự cường; có trách nhiệm chung bảo

ngày càng gắn kết và tùy thuộc lẫn nhau.

Để triển khai Kế hoạch tổng thể, Hội đồng APSC họp lần thứ hai tháng 7/2009 tại Phuket, Thái Lan, đã nhất trí tập trung thực hiện 13 lĩnh vực ưu tiên, trong đó có triển khai DOC và triển khai SEANWFZ.

2.3. Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) nhằm mục tiêu tạo ra một thị trường chung duy nhất và cơ sở sản xuất thống nhất, trong đó có sự lưu chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có tay nghề; từ đó nâng cao tính cạnh tranh và thúc đẩy sự thịnh vượng chung cho cả khu vực; tạo sự hấp dẫn với đầu tư – kinh doanh từ bên ngoài.

Trên cơ sở kết quả thực hiện VAP (phần về AEC) nhất là việc đã cơ bản hoàn thành Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), ASEAN đã nhất trí thông qua Kế hoạch tổng thể về AEC với những đặc điểm và nội dung sau :

Đến năm 2015, ASEAN sẽ trở thành : (i) một thị trường duy nhất và một cơ sở sản xuất thống nhất, trong đó có sự lưu chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có tay nghề ; (ii) Một khu vực kinh tế có sức cạnh tranh cao; (iii) Một khu vực phát triển kinh tế đồng đều, nhất là thực hiện có hiệu quả Sáng kiến liên kết ASEAN (IAL); (iv) Một khu vực ASEAN hội nhập đầy đủ vào nền kinh tế toàn cầu. Đồng thời, ASEAN nhất trí đề ra Cơ chế thực hiện và Lộ trình chiến lược thực hiện Kế hoạch tổng thể.

ASEAN cũng nhất trí xác định 12 lĩnh vực ưu tiên đẩy nhanh liên kết với lộ trình hoàn thành đến năm 2010, đó là: Hàng nông sản; Ô tô; Điện tử; Nghề cá; Các sản phẩm từ cao su; Dệt may; Các sản phẩm từ gỗ; Vận tải hàng không; Thương mại điện tử ASEAN; Chăm sóc sức khỏe; Du lịch; và Logistics.

Để đẩy mạnh các nỗ lực hình thành Cộng đồng Kinh tế (AEC), ASEAN đã thông qua Kế hoạch tổng thể xây dựng trụ cột này, là một bộ phận trong Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN được thông qua tại Hội nghị cấp cao ASEAN-14 (tháng 2/2009), với các quy định chi tiết về định nghĩa, quy mô, cơ chế và lộ trình thực hiện AEC.

2.4. Cộng đồng Văn hóa - Xã hội (ASCC) với mục tiêu là phục vụ và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân ASEAN, sẽ tập trung xử lý các vấn đề liên quan đến bình đẳng và công bằng xã hội, bản sắc văn hóa, môi trường, tác động của toàn cầu hóa và cách mạng khoa học công nghệ.

Chương trình hành động Viên chẵn (VAP) và Kế hoạch hành động về ASCC đã xác định 4 lĩnh vực hợp tác (thành tố) chính là : (i) Tạo dựng cộng đồng các xã hội đùm bọc; (ii) Giải quyết những tác động xã hội của hội nhập kinh tế; (iii) Phát triển môi trường bền vững; (iv) Nâng cao nhận thức và bản sắc ASEAN. Hàng loạt biện pháp/hoạt động cụ thể đã được đề ra trong từng lĩnh vực hợp tác này.

Theo đó, hợp tác ASEAN đã và đang được đẩy mạnh trên nhiều lĩnh vực khác nhau như : văn hóa, giáo dục-đào tạo, khoa học – công nghệ, môi trường, y tế, phòng chống ma túy, buôn bán phụ nữ và trẻ em, HIV/AIDS, bệnh dịch, ... Khó khăn lớn nhất trong việc thực hiện Kế hoạch hành động về ASCC là thiếu nguồn lực. Đây là vấn đề ASEAN đang phải tập trung xử lý trong thời gian tới. Quá trình xây dựng Kế hoạch tổng thể về ASCC cũng phải tính đến việc huy động nguồn lực.

Tương tự như các trụ cột Cộng đồng Chính trị-An ninh và Kinh tế, Kế hoạch tổng thể xây dựng Cộng đồng Văn hóa-xã hội (ASCC), một bộ phận của Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN, đang được ASEAN đẩy mạnh triển khai, tập trung vào một số lĩnh vực ưu tiên như:

ra trong tương lai về hợp tác này.

Theo đó, hợp tác ASEAN đã và đang được đẩy mạnh trên nhiều lĩnh vực khác nhau như : văn hóa, giáo dục-đào tạo, khoa học – công nghệ, môi trường, y tế, phòng chống ma túy, buôn bán phụ nữ và trẻ em, HIV/AIDS, bệnh dịch, ... Khó khăn lớn nhất trong việc thực hiện Kế hoạch hành động về ASCC là thiếu nguồn lực. Đây là vấn đề ASEAN đang phải tập trung xử lý trong thời gian tới. Quá trình xây dựng Kế hoạch tổng thể về ASCC cũng phải tính đến việc huy động nguồn lực.

Tương tự như các trụ cột Cộng đồng Chính trị-An ninh và Kinh tế, Kế hoạch tổng thể xây dựng Cộng đồng Văn hóa-xã hội (ASCC), một bộ phận của Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN, đang được ASEAN đẩy mạnh triển khai, tập trung vào một số lĩnh vực ưu tiên như: phát triển nguồn nhân lực, phúc lợi và bảo trợ xã hội, quyền và công bằng xã hội, đảm bảo môi trường bền vững, xây dựng bản sắc ASEAN...

Hội đồng Cộng đồng Văn hóa xã hội sẽ nhóm họp lần đầu tiên trong tháng 8/2009 để điều phối việc triển khai thực hiện Kế hoạch tổng thể này cũng như tăng cường phối hợp giữa các cơ quan tham gia trụ cột ASCC.

3. Triển vọng của ASEAN đến 2015.

Trên cơ sở phân tích các nhân tố tác động đến triển vọng của ASEAN trong 10-15 năm tới, dự báo khả năng hiện thực nhất là ASEAN sẽ chuyển hóa dần từ một Hiệp hội khá lỏng lẻo thành một tổ chức hợp tác liên Chính phủ có mức độ ràng buộc pháp lý cao hơn và liên kết sâu rộng hơn, nhưng không trở thành một tổ chức siêu quốc gia; sẽ trở thành một thực thể chính trị-kinh tế gắn kết hơn, một cộng đồng "thống nhất trong đa dạng"; tiếp tục là một tổ chức hợp tác khu vực mở và có vai trò quan trọng ở Châu Á-Thái Bình Dương.

Liên kết ASEAN sẽ sâu rộng hơn, nhưng mức độ liên kết sẽ không đồng đều trong ba lĩnh vực chính trị-an ninh, kinh tế và văn hóa-xã hội, do sự đa dạng khá lớn giữa các nước thành viên, nhất là về khoảng cách phát triển, chế độ chính trị - xã hội cũng như những tính toán chiến lược và lợi ích quốc gia.

4. Bộ máy tổ chức của ASEAN

Hiến chương ASEAN quy định bộ máy tổ chức của ASEAN gồm các cơ quan chính sau:

- Cấp cao ASEAN là cơ quan hoạch định chính sách tối cao của ASEAN, bao gồm những Người đứng đầu Nhà nước hoặc Chính phủ các quốc gia thành viên. Hội nghị Cấp cao ASEAN được tổ chức mỗi năm 2 lần.
- Hội đồng Điều phối ASEAN (ACC) gồm các Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN, họp ít nhất 2 lần một năm, có nhiệm vụ điều phối các hoạt động hợp tác ASEAN nói chung và chuẩn bị cho các Hội nghị Cấp cao.
- Các Hội đồng Cộng đồng ASEAN bao gồm Hội đồng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSCC), Hội đồng Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AECC) và Hội đồng Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN (ASCCC), họp ít nhất 2 lần một năm, do Bộ trưởng có liên quan của quốc gia đang giữ cương vị Chủ tịch ASEAN chủ trì, có nhiệm vụ theo dõi và điều phối hợp tác ASEAN trên từng trụ cột Cộng đồng mình phụ trách.
- Ủy ban các Đại diện thường trực ASEAN (CPR) đặt tại Gia-các-ta, đóng vai trò là cơ quan đầu mối, theo dõi và điều phối các hoạt động hợp tác hàng ngày của ASEAN.
- Tổng thư ký ASEAN và Ban thư ký ASEAN đặt tại Gia-các-ta, đóng vai trò là cơ quan hỗ trợ hành chính cho các hoạt động hợp tác ASEAN.

- ▶ Cộng đồng ASEAN
- ▶ Các văn kiện cơ bản
- ▶ Các nước thành viên ASEAN

Việt Nam và ASEAN

Tin tức

Thư viện hình ảnh

Video



1. Mục tiêu:

1.1. Tuyên bố Băng Cốc (Tuyên bố của Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN - 8/8/1967) – được coi là Tuyên bố khai sinh ra ASEAN - nêu rõ tôn chỉ và mục đích của Hiệp hội là:

“Thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và phát triển văn hóa trong khu vực thông qua các nỗ lực chung trên tinh thần bình đẳng và hợp tác nhằm tăng cường cơ sở cho một cộng đồng các nước Đông Nam Á hòa bình và thịnh vượng;”

- Thúc đẩy hòa bình và ổn định khu vực bằng việc tôn trọng công lý và nguyên tắc luật pháp trong quan hệ giữa các nước trong vùng và tuân thủ các nguyên tắc của Hiến chương Liên Hợp Quốc;
- Thúc đẩy sự cộng tác tích cực và giúp đỡ lẫn nhau trong các vấn đề cần quan tâm trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật và hành chính;
- Giúp đỡ lẫn nhau dưới các hình thức đào tạo và cung cấp các phương tiện nghiên cứu trong các lĩnh vực giáo dục, chuyên môn, kỹ thuật và hành chính;
- Cộng tác có hiệu quả hơn để sử dụng tốt hơn nền nông nghiệp và các ngành công nghiệp của nhau, mở rộng mậu dịch kể cả việc nghiên cứu các vấn đề về buôn bán hàng hóa giữa các nước, cải thiện các phương tiện giao thông, liên lạc và nâng cao mức sống của nhân dân;
- Thúc đẩy việc nghiên cứu về Đông Nam Á;
- Duy trì sự hợp tác chặt chẽ cùng có lợi với các tổ chức quốc tế và khu vực có tôn chỉ và mục đích tương tự và tìm kiếm các cách thức nhằm đạt được một sự hợp tác chặt chẽ hơn nữa giữa các tổ chức này.

1.2. Hiến chương ASEAN, văn kiện pháp lý quan trọng của ASEAN (15/12/2009) đã khẳng định lại các mục tiêu cơ bản trên, đồng thời bổ sung thêm các mục tiêu mới cho phù hợp với tình hình, cụ thể gồm 15 mục tiêu sau:

- Duy trì và thúc đẩy hòa bình, an ninh và ổn định và tăng cường hơn nữa các giá trị hướng tới hòa bình trong khu vực;
- Nâng cao khả năng tự cường khu vực thông qua đẩy mạnh hợp tác chính trị, an ninh, kinh tế và văn hóa – xã hội;
- Duy trì Đông Nam Á là một Khu vực Không có Vũ khí Hạt nhân và các loại vũ khí

ASEAN

AICHR Việt Nam

Nhóm Phụ nữ Cộng đồng ASEAN tại Hà Nội (ÁWCH)





Giới thiệu Liên hệ Sitemap

VI EN Thứ Sáu, 27/05/2016

PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: 84-4-35771458, Fax: 84-4-35771459

Trang chủ WTO **FTA** Hiệp định khác Vấn đề nóng

Tin nổi bật

Trang chủ > Chuyên đề

TIN TỨC

WTO

- Giới thiệu WTO
- Văn kiện
- Tranh chấp
- Các đàm phán đa
- WTO và Việt Nam
- Nghiên cứu và tr

HIỆP ĐỊNH THƯƠNG

- Đã ký kết
- Đang đàm phán
- Thông tin liên quan

HIỆP ĐỊNH KHÁC

Đã ký kết Đang đàm phán Đang xem xét

- TPP
- ASEAN-AEC
- ASEAN - Ấn Độ
- ASEAN - Australia/New Zealand
- ASEAN - Hàn Quốc
- ASEAN - Nhật Bản
- ASEAN - Trung Quốc
- Việt Nam - Nhật Bản
- Việt Nam - Chile
- Việt Nam - Hàn Quốc
- Việt Nam - Liên minh kinh tế Á Âu
- RCEP (ASEAN+6)
- ASEAN - Hồng Kông
- Việt Nam - EU
- Việt Nam - EFTA
- Việt Nam - Israel



ổ chức buổi tiếp Việt - Mỹ

h chiều ngày 23/5 aton, Hà Nội sẽ doanh nghiệp và

te ký kết mệ thỏa thuận giữa doanh nghiệp hội viên của AmCham với các đối tác Việt Nam.

TT Mỹ thăm Việt Nam: Di sản Obama, chìa khóa tương lai

thịnh vượng chung, đồng thời đẩy mạnh hợp tác trong khu vực. Bên cạnh đó, mỗi quốc gia sẽ phải ưu tiên giải quyết những vấn đề trọng tâm của nước mình, nhằm tận dụng tối đa những cơ hội mà AEC mang lại. Theo chúng tôi, Việt Nam có năm vấn đề trọng tâm sau phải giải quyết:

Thứ nhất là ưu tiên thực hiện các biện pháp nâng cao năng suất lao động và chất lượng việc làm trong ngành nông nghiệp và đa dạng hóa công việc trong các ngành chế tạo mới, trong khi vẫn tiếp tục hỗ trợ ngành dệt may.

Thứ hai, cần mở rộng độ bao phủ phúc lợi xã hội, trong đó có cơ chế bảo hiểm thất nghiệp trên toàn quốc. Biện pháp này sẽ góp phần giảm bớt những tác động của chuyển dịch cơ cấu và hỗ trợ người lao động chuyển sang làm việc ở các ngành với năng suất cao hơn.

Thứ ba, cần củng cố hệ thống đào tạo phát triển kỹ năng, tập trung cải thiện giáo dục trung học và đào tạo nghề để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng đối với lao động có kỹ năng trung bình.

Các hệ thống thương lượng tập thể mới cũng đang là một yêu cầu bức thiết để tạo ra môi trường kinh doanh bền vững hơn. Điều này góp phần đảm bảo rằng tăng năng suất lao động đi kèm tiền lương cao hơn và điều kiện làm việc tốt hơn, đồng thời đảm bảo một thị trường nội địa vững mạnh.

Cuối cùng, cần cải thiện công tác bảo vệ nhóm lao động di cư và các hệ thống phục vụ việc công nhận kỹ năng của họ, đặc biệt là ở những ngành nghề mà trong đó các lao động có kỹ năng thấp và trung bình chiếm tỷ lệ cao như xây dựng.

AEC đem lại cho Việt Nam, cũng như các nước láng giềng ASEAN, những cơ hội lớn để phát triển và đạt tới sự thịnh vượng, cũng như cơ hội chuyển dịch sang một nền kinh tế có năng suất cao dựa trên kỹ năng và sự đổi mới. Nếu những vấn đề ưu tiên nói trên được giải quyết hiệu quả, thì khu vực này có thể đạt được những bước tiến dài tới đích nhằm phát triển kinh tế công bằng và thịnh vượng chung. Thế nhưng, nếu như các nhà lãnh đạo không thể giải quyết được những vấn đề trên, AEC sẽ làm gia tăng bất bình đẳng, và số đông người lao động bình thường, chậm chễ sẽ không được hưởng lợi từ tiến trình hội nhập này.

Khu vực và Quốc gia: Châu Á và Thái Bình Dương, Việt Nam

- Bình luận và phân tích
- Thông cáo báo chí >
- Bản tin >
- Bài phát biểu >
- Video / audio >
- Trung tâm thư viện >
- Links >

Ngày Người Di cư quốc tế (18/12) là một sự kiện để chúng ta ghi nhận những đóng góp của người lao động di cư vào tăng trưởng và công cuộc phát triển của Việt Nam và khu vực ASEAN. Năm 2015, việc các quốc gia ASEAN sẽ trở thành một Cộng đồng kinh tế thống nhất được kỳ vọng sẽ tạo ra nhiều cơ hội cho tăng trưởng trong khu vực. Tuy nhiên, cũng vẫn còn có nhiều suy nghĩ chưa chính xác về di cư trong khu vực và tại mỗi quốc gia. Nhiều người cho rằng di cư trong khu vực là sự di chuyển tự do của người lao động, giống như những gì đang diễn ra tại Châu Âu, tuy nhiên, nhận định này vẫn còn xa vời với thực tế.

Khi cộng đồng kinh tế mới ra đời, sẽ có nhiều cơ hội để người lao động dịch chuyển sang các nước khác để đáp ứng sự thiếu hụt nhân lực cho các quốc gia này, cải thiện thu nhập và tích lũy những kinh nghiệm mới cho bản thân. Tuy nhiên, đến nay, các quốc gia mới bước đầu tập trung thảo luận về dịch chuyển của lao động có kỹ năng, thông qua các Thỏa thuận về Công nhận tay nghề tương đương (MRA), tạo thuận lợi cho việc tự do di chuyển và quyền tự do làm việc tại các nước trong khu vực đối với 8 nhóm ngành nghề – kế toán, kỹ sư, khảo sát, kiến trúc, điều dưỡng, dịch vụ y tế, dịch vụ nhà khoa và du lịch.

Vì mức lương của Việt Nam đang gần bằng mức lương trung bình của khu vực, hội nhập kinh tế có nghĩa là người lao động có thể đi khỏi và đến Việt Nam. Đối với Việt Nam, một chính sách hội nhập tốt có thể sẽ giúp tăng năng suất lao động trong nước thông qua việc di cư của lao động có tay nghề, nhưng điều quan trọng cần phải tính đến là những tác động tiềm tàng của việc một số lượng lớn lao động có tay nghề sẽ rời đất nước để đi tìm những công việc có thu nhập cao hơn thông qua các MRA. Một báo cáo của Tổ chức Lao động Quốc tế và Ngân hàng Phát triển Á Châu sẽ được công bố vào giữa năm 2014 sẽ cung cấp thêm nhiều thông tin về tác động của hội nhập kinh tế khu vực đối với thị trường lao động.

Nhưng việc di cư của lao động có tay nghề chuyên môn đang và sẽ chỉ đại diện cho một số lượng rất nhỏ người lao động di cư trong khu vực Đông Nam Á. Cần nhớ rằng việc xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) không phải là một quá trình độc lập; nó được bổ sung, hỗ trợ bởi trụ cột về Cộng đồng Kinh tế Xã hội trong hội nhập ASEAN và nó sẽ hỗ trợ các mục tiêu của AEC hướng tới phát triển kinh tế công bằng trong khu vực. Sự đóng góp của người lao động di cư có tay nghề thấp và tay nghề trung bình phải được ghi nhận. Nếu đứng riêng rẽ, AEC đang được xây dựng sẽ không thể giải quyết đầy đủ các vấn đề xã hội trong đó có di cư an toàn, bảo vệ người lao động khỏi nạn bóc lột, tiếp cận đào tạo tay nghề và đảm bảo các điều khoản về phúc lợi đối với người lao động.

Việt Nam hoàn toàn có thể hưởng lợi từ việc hội nhập AEC, và với 15% dân số trong khu vực ASEAN, Việt Nam cũng có những đóng góp quan trọng để hình thành thị trường khu vực mới này. 500.000 người lao động Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài đã có những đóng góp đáng kể đối với nền kinh tế của đất nước, với khoản kiều hối khoảng

“Quan điểm của Tổ chức Lao động Quốc tế là di cư phải được xem là một lựa chọn của người lao động bản địa”



© C. de Souza / Agência Estado 2016

Tools

Nội dung này được thể hiện bằng English >

A A+ A++ In >

Chia sẻ nội dung này



Thông cáo báo chí

Cơ hội cho người dân nông thôn tìm hiểu về di cư an toàn >

Dự án

Hành động ba bên nhằm bảo vệ người di cư tránh khỏi nạn bóc lột lao động (Dự án TAM GIÁC I) >

Việt Nam hoàn toàn có thể hưởng lợi từ việc hội nhập AEC, và với 15% dân số trong khu vực ASEAN, Việt Nam cũng có những đóng góp quan trọng để hình thành thị trường khu vực mới này. 500.000 người lao động Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài đã có những đóng góp đáng kể đối với nền kinh tế của đất nước, với khoản kiều hối khoảng 1,6 tỷ đô la Mỹ mỗi năm. Chính phủ Việt Nam đang tích cực hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài, là một phần trong chiến lược giảm nghèo và phát triển của đất nước. Một hệ thống chính sách và dịch vụ đã được ban hành và áp dụng nhằm giảm chi phí và tăng cơ hội cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài thông qua hỗ trợ đào tạo kỹ năng và tay nghề cho người lao động. Chính sách này bao gồm việc đặt ra mục tiêu về số lượng lao động có kỹ năng tay nghề đi làm việc ở nước ngoài.

“Quan điểm của Tổ chức Lao động Quốc tế là di cư phải được xem là một lựa chọn của người lao động hơn là sự cần thiết.”

Quan điểm của Tổ chức Lao động Quốc tế là di cư phải được xem là một lựa chọn của người lao động hơn là sự cần thiết. Trong khi di cư có thể tạo ra con đường để thoát nghèo đói, điều quan trọng là phải duy trì sự cân bằng trong việc thúc đẩy di cư với các chính sách, biện pháp bảo vệ phù hợp đối với người lao động.

Trong nhiều năm qua, các quốc gia thành viên ASEAN đã hợp tác với nhau nhằm tăng cường công tác quản lý di cư và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người di cư. Có nhiều khuôn khổ và diễn đàn để tạo cơ hội và thúc đẩy việc ban hành các chính sách tốt hơn về phối hợp và đối thoại nhằm tăng cường sự bảo vệ đối với người di cư. Những điều này được đề cập trong Tuyên bố ASEAN về Bảo vệ Quyền của Lao động di cư, Diễn đàn ASEAN về Lao động di cư, một cuộc họp thường niên của đại diện Chính phủ, các tổ chức của người lao động và tổ chức của người sử dụng lao động, đại diện của các tổ chức xã hội dân sự. Thêm vào đó, việc hợp tác trong quản lý di cư cũng đang được tăng cường, thông qua Sáng kiến về Hội nhập ASEAN, trong đó Phi-lip-pin đã cam kết chia sẻ kinh nghiệm của họ về vấn đề quản lý người lao động làm việc ở nước ngoài.

Một số lĩnh vực cần tăng cường như người di cư cần được thông tin đầy đủ về chi phí và lợi ích của di cư, làm thế nào để bảo vệ bản thân trong suốt quá trình di cư, công nhận tay nghề tương đương đối với những công việc có tay nghề thấp và tay nghề trung bình; tính linh hoạt của chính sách bảo hiểm xã hội; đào tạo và hỗ trợ người di cư trở về, những người có thể sử dụng khoản tiết kiệm và kỹ năng tích lũy được ở nước ngoài để tăng cường các cơ hội việc làm sau khi về nước và hỗ trợ phát triển cộng đồng. Ngay Người di cư quốc tế là một dịp để chúng ta tái cam kết về nỗ lực của mình để đảm bảo di cư sẽ mang lại lợi ích cho tất cả mọi người, và Tổ chức Lao động Quốc tế cam kết tiếp tục hợp tác với Chính phủ Việt Nam và các Tổ chức của người lao động, tổ chức của người sử dụng lao động để tăng cường công tác quản lý di cư và bảo vệ người lao động di cư, tại quốc gia và tại khu vực ASEAN.

- Bình luận và phân tích
- Thông cáo báo chí >
- Bản tin >
- Bài phát biểu >
- Video / audio >
- Trung tâm thư viện >
- Links >

Các nhà hoạch định chính sách đã và đang bàn luận rất nhiều về tác động của Cộng đồng KINH tế ASEAN (AEC) vào năm 2015. Thế nhưng câu hỏi đặt ra là, AEC sẽ tác động như thế nào đến 90 triệu người dân Việt Nam – và rộng hơn nữa – 600 triệu cư dân trong khu vực? ILO và Ngân hàng Phát triển Châu Á đã bắt tay cộng tác để tìm kiếm câu trả lời cho vấn đề này, và báo cáo chung của chúng tôi có tên “Cộng đồng ASEAN 2015: Quản lý hội nhập hướng tới việc làm tốt hơn và thịnh vượng chung” đã được chia sẻ tại Hà Nội vào ngày 4/9.

Những người dân bình thường trước hết đều sẽ trải nghiệm sự chuyển dịch kinh tế thông qua thị trường lao động. Điều họ quan tâm nhất chính là việc liệu họ có tìm được hay không một công việc tốt đem lại cho họ sự ổn định, được bảo hiểm, mang lại thu nhập đủ sống với điều kiện làm việc đảm bảo, và việc đến một lúc nào đó, con cái họ có thể được như vậy hay không.

Những phát hiện của chúng tôi cho thấy những dấu hiệu đang khích lệ. Nếu được quản lý hiệu quả trong thập kỷ tới, AEC sẽ thúc đẩy sự phát triển của các nền kinh tế trong khu vực thêm 7,1% vào năm 2025, đồng thời tạo ra 14 triệu việc làm mới. Tại Việt Nam, nơi tập trung một phần sâu lao động của cả khu vực, điều này đồng nghĩa với tăng GDP thêm 14,5% và sẽ có thêm hàng triệu việc làm mới.

Tuy nhiên, sẽ có rất nhiều mệnh đề “nếu như” và “nhưng mà” đi kèm.

Tại Việt Nam, hai phần ba số việc làm mới này rất có thể là những công việc chất lượng thấp, “dễ bị tổn thương”, như các lao động tự làm hoặc lao động hộ gia đình. Hiện nay, bất chấp sự phát triển kinh tế mạnh mẽ của đất nước, gần một nửa số lao động Việt Nam đang làm việc trong ngành nông nghiệp, lĩnh vực có năng suất lao động, thu nhập và điều kiện lao động còn ở mức thấp điển hình so với một vài nền kinh tế ASEAN khác.

AEC sẽ đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cấu trúc, và trong lúc một số ngành sẽ trở nên phát đạt thì một số ngành khác lại có khả năng phải cắt giảm việc làm. Lao động trong các ngành này có thể sẽ không có những kỹ năng phù hợp để nắm bắt những cơ hội mới mà AEC đem lại. Thêm vào đó, trong khi năng suất lao động được cải thiện có thể đem lại thu nhập cao hơn cho một số người, thì phần lớn lao động có thể sẽ không có được điều này.

Để phát huy tối đa tiềm năng của việc hội nhập kinh tế sâu rộng hơn, các nước ASEAN cần phải hành động dứt khoát ngay từ bây giờ. Họ sẽ phải cùng nhau giải quyết một số vấn đề thì mới mong thu lại kết quả; một vấn đề đang nổi trong đó là chủ động quản lý những chuyển dịch cấu trúc sắp tới, nhằm đảm bảo những lợi ích kinh tế, sẽ dẫn đến sự thịnh vượng chung, đồng thời đẩy mạnh hợp tác trong khu vực. Bên cạnh đó, mỗi quốc gia sẽ phải ưu tiên giải quyết những vấn đề trọng tâm của nước mình, nhằm tận dụng tối đa những cơ hội mà AEC mang lại. Theo chúng tôi, Việt Nam có năm vấn đề trọng tâm sau phải giải quyết:

Thứ nhất là ưu tiên thực hiện các biện pháp nâng cao năng suất lao động và chất lượng



Tools ⚙️

Nội dung này được thể hiện bằng

[English >](#)

A A+ A++ In >

Chia sẻ nội dung này

f t G+

Cơ chế giải quyết tranh chấp trong WTO: công cụ hữu hiệu giải quyết tranh chấp quốc tế về phòng vệ thương mại

10/08/2015 12:00 - 16679 lượt xem



Tác giả: Đinh Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Phương Thảo – Văn phòng Luật sư IDVN;

Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) không chỉ là một tổ chức kinh tế đa phương được thành lập và phát triển vì mục tiêu tự do hoá thương mại mà còn được biết đến với một cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại giữa các quốc gia thành viên hiệu quả mà không bị ảnh hưởng của các mối quan hệ chính trị và ngoại giao. Trong vòng gần 20 năm kể từ khi được thành lập vào năm 1995 đến nay, đã có gần 500 vụ tranh chấp được đệ trình lên Cơ quan giải quyết tranh chấp (DSB) của WTO, gấp 2,5 lần so với khoảng 200 vụ tranh chấp trong vòng gần 50 năm dưới thời kỳ của “Tổ chức tiền nhiệm” GATT (1947-1995).

Tranh chấp về các biện pháp phòng vệ thương mại là nhóm có số lượng các vụ kiện nhiều nhất, chiếm trên 50% tổng số các vụ kiện tại WTO. Điều này cho thấy các quốc gia thành viên có xu hướng lựa chọn WTO để giải quyết các tranh chấp về phòng vệ thương mại và cũng cho thấy dường như đây là cơ chế hiệu quả để giải quyết vấn đề này.

Bài viết này nhằm cung cấp cho bạn đọc một cái nhìn khái quát để lý giải xu hướng này cũng như một số quan ngại xung quanh tính hiệu quả của cơ chế này khi được sử dụng để giải quyết các tranh chấp trong phòng vệ thương mại.

Tranh chấp về phòng vệ thương mại trong WTO
Tranh chấp về phòng vệ thương mại là tranh chấp giữa quốc gia nhập khẩu và quốc gia xuất khẩu liên quan đến các quy định pháp lý và biện pháp thực tiễn mà nước nhập khẩu áp dụng trong quá

ĐĂNG NHẬP

SỰ KIỆN TIN TỨC SẢN PHẨM



Gỗ: Xuất khẩu gần 7 tỷ USD, nhập nguyên liệu mất 6,9 tỷ USD



Áp thuế tự vệ thép nhập khẩu với mã HS quá rộng: Sản xuất vật liệu hàn gặp khó



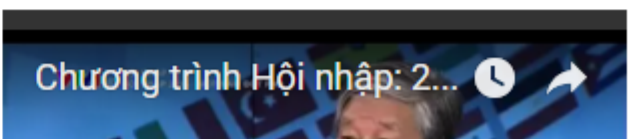
Áp thuế tự vệ tạm thời với phôi thép và thép dài: Doanh nghiệp chia hai chiến tuyến



Tổng kim ngạch XNK của khối doanh nghiệp FDI đạt 67,78 tỷ USD



Dệt may giảm được 63,5% tiền thuế nhập khẩu



Chương trình Hội nhập: 2...

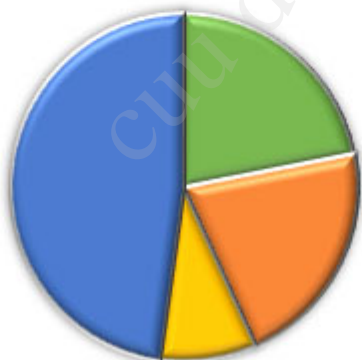
Tranh chấp về phòng vệ thương mại trong WTO

Tranh chấp về phòng vệ thương mại là tranh chấp giữa quốc gia nhập khẩu và quốc gia xuất khẩu liên quan đến các quy định pháp lý và biện pháp thực tiễn mà nước nhập khẩu áp dụng trong quá trình điều tra và rà soát để áp dụng hoặc duy trì các biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa của quốc gia xuất khẩu (bao gồm các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ).

Ví dụ:

- Vụ kiện DS 404 và DS 429 trong WTO là để xử lý tranh chấp về phòng vệ thương mại giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trong đó Việt Nam khiếu kiện Hoa Kỳ về việc Bộ Thương mại nước này đã áp dụng phương pháp quy về 0 và chính sách về thuế suất toàn quốc trong các đợt rà soát hành chính đối với lệnh áp thuế chống phá giá của Hoa Kỳ với mặt hàng tôm của Việt Nam.
- Vụ kiện DS 397 trong WTO là liên quan tới tranh chấp về phòng vệ thương mại giữa Trung Quốc và EU trong đó Trung Quốc kiện EU về quy định của Khối này liên quan tới việc áp dụng chế độ đối xử riêng rẽ (individual treatment) khi EU tiến hành điều tra chống phá giá đối với mặt hàng khoá kéo của Trung Quốc.

Tỷ lệ % các vụ kiện phòng vệ thương mại trên tổng các vụ kiện tại WTO 1995 -10/2014



Chương trình Hội nhập: 2015 - Năm Hội nhập đột phá

Điều tra chống bán phá giá Gà nhập khẩu từ Mỹ - Truyền hình Kinh tế Nông thôn



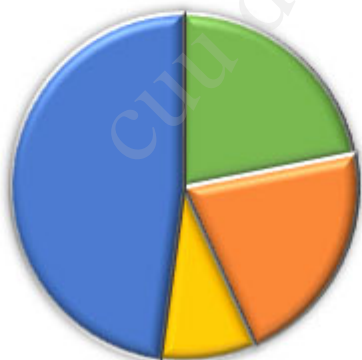
Tranh chấp về phòng vệ thương mại trong WTO

Tranh chấp về phòng vệ thương mại là tranh chấp giữa quốc gia nhập khẩu và quốc gia xuất khẩu liên quan đến các quy định pháp lý và biện pháp thực tiễn mà nước nhập khẩu áp dụng trong quá trình điều tra và rà soát để áp dụng hoặc duy trì các biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa của quốc gia xuất khẩu (bao gồm các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ).

Ví dụ:

- Vụ kiện DS 404 và DS 429 trong WTO là để xử lý tranh chấp về phòng vệ thương mại giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trong đó Việt Nam khiếu kiện Hoa Kỳ về việc Bộ Thương mại nước này đã áp dụng phương pháp quy về 0 và chính sách về thuế suất toàn quốc trong các đợt rà soát hành chính đối với lệnh áp thuế chống phá giá của Hoa Kỳ với mặt hàng tôm của Việt Nam.
- Vụ kiện DS 397 trong WTO là liên quan tới tranh chấp về phòng vệ thương mại giữa Trung Quốc và EU trong đó Trung Quốc kiện EU về quy định của Khối này liên quan tới việc áp dụng chế độ đối xử riêng rẽ (individual treatment) khi EU tiến hành điều tra chống phá giá đối với mặt hàng khoá kéo của Trung Quốc.

Tỷ lệ % các vụ kiện phòng vệ thương mại trên tổng các vụ kiện tại WTO 1995 -10/2014



Chương trình Hội nhập: 2015 - Năm Hội nhập đột phá

Điều tra chống bán phá giá Gà nhập khẩu từ Mỹ - Truyền hình Kinh tế Nông thôn



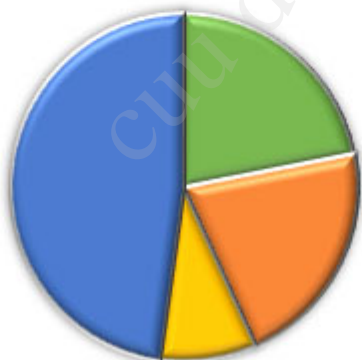
Tranh chấp về phòng vệ thương mại trong WTO

Tranh chấp về phòng vệ thương mại là tranh chấp giữa quốc gia nhập khẩu và quốc gia xuất khẩu liên quan đến các quy định pháp lý và biện pháp thực tiễn mà nước nhập khẩu áp dụng trong quá trình điều tra và rà soát để áp dụng hoặc duy trì các biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa của quốc gia xuất khẩu (bao gồm các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ).

Ví dụ:

- Vụ kiện DS 404 và DS 429 trong WTO là để xử lý tranh chấp về phòng vệ thương mại giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trong đó Việt Nam khiếu kiện Hoa Kỳ về việc Bộ Thương mại nước này đã áp dụng phương pháp quy về 0 và chính sách về thuế suất toàn quốc trong các đợt rà soát hành chính đối với lệnh áp thuế chống phá giá của Hoa Kỳ với mặt hàng tôm của Việt Nam.
- Vụ kiện DS 397 trong WTO là liên quan tới tranh chấp về phòng vệ thương mại giữa Trung Quốc và EU trong đó Trung Quốc kiện EU về quy định của Khối này liên quan tới việc áp dụng chế độ đối xử riêng rẽ (individual treatment) khi EU tiến hành điều tra chống phá giá đối với mặt hàng khoá kéo của Trung Quốc.

Tỷ lệ % các vụ kiện phòng vệ thương mại trên tổng các vụ kiện tại WTO 1995 -10/2014



Chương trình Hội nhập: 2015 - Năm Hội nhập đột phá

Điều tra chống bán phá giá Gà nhập khẩu từ Mỹ - Truyền hình Kinh tế Nông thôn



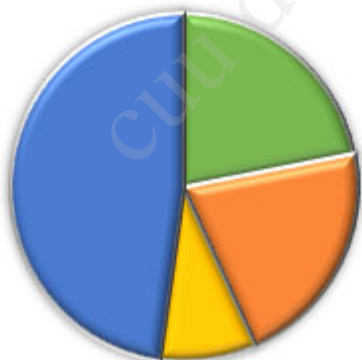
Tranh chấp về phòng vệ thương mại trong WTO

Tranh chấp về phòng vệ thương mại là tranh chấp giữa quốc gia nhập khẩu và quốc gia xuất khẩu liên quan đến các quy định pháp lý và biện pháp thực tiễn mà nước nhập khẩu áp dụng trong quá trình điều tra và rà soát để áp dụng hoặc duy trì các biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa của quốc gia xuất khẩu (bao gồm các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ).

Ví dụ:

- Vụ kiện DS 404 và DS 429 trong WTO là để xử lý tranh chấp về phòng vệ thương mại giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trong đó Việt Nam khiếu kiện Hoa Kỳ về việc Bộ Thương mại nước này đã áp dụng phương pháp quy về 0 và chính sách về thuế suất toàn quốc trong các đợt rà soát hành chính đối với lệnh áp thuế chống phá giá của Hoa Kỳ với mặt hàng tôm của Việt Nam.
- Vụ kiện DS 397 trong WTO là liên quan tới tranh chấp về phòng vệ thương mại giữa Trung Quốc và EU trong đó Trung Quốc kiện EU về quy định của Khối này liên quan tới việc áp dụng chế độ đối xử riêng rẽ (individual treatment) khi EU tiến hành điều tra chống phá giá đối với mặt hàng khoá kéo của Trung Quốc.

Tỷ lệ % các vụ kiện phòng vệ thương mại trên tổng các vụ kiện tại WTO 1995 -10/2014



Chương trình Hội nhập: 2015 - Năm Hội nhập đột phá

Điều tra chống bán phá giá Gà nhập khẩu từ Mỹ - Truyền hình Kinh tế Nông thôn



Cơ hội khi hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) có thể tóm tắt trong 4 trụ cột chính đó là: Một thị trường và một cơ sở sản xuất chung; khu vực kinh tế cạnh tranh; phát triển kinh tế công bằng; hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu.

Một thị trường rộng lớn

AEC được thành lập sẽ là một bước ngoặt đánh dấu sự hội nhập khu vực một cách toàn diện của các nền kinh tế Đông Nam Á, hướng tới mô hình cộng đồng kinh tế – an ninh – xã hội. Kinh tế khu vực dự kiến sẽ được nâng cao tính cạnh tranh, giúp ASEAN trở thành một thị trường rộng lớn đồng thời là nhà xuất khẩu lớn của thế giới. Nếu được thành lập, AEC sẽ là một thị trường chung có quy mô lớn với hơn 600 triệu dân và tổng GDP hàng năm vào khoảng 2.000 tỷ USD. Trong đó, Việt Nam chiếm tỷ trọng khoảng 7,36% kim ngạch xuất khẩu; và 8,5% kim ngạch nhập khẩu.

Các lĩnh vực hợp tác để chuẩn bị hình thành AEC dự kiến sẽ bao trùm lên nhiều lĩnh vực, từ phát triển nguồn nhân lực đến trao đổi chuyển giao; hợp tác tư vấn quản lí kinh tế vĩ mô và chính sách tài chính; các biện pháp tài trợ thương mại; tăng cường cơ sở hạ tầng và trao đổi thông tin liên lạc, v.v... Tại thời điểm này, các quốc gia ASEAN đang ở vào giai đoạn gấp rút chuẩn bị cho việc hình thành cộng đồng kinh tế Đông Nam Á (AEC) vào cuối năm 2015.



AEC ra đời dự kiến sẽ mở ra một thị trường rộng lớn, bình đẳng cho các doanh nghiệp Việt Nam. Doanh nghiệp sẽ có cơ hội mở rộng thị trường trao đổi thương mại, thu hút đầu tư, tham gia sâu hơn vào chuỗi sản xuất và cung ứng khu vực, với hoạt động xuất khẩu thuận lợi hơn nhờ rào cản thuế quan, phi thuế quan được tháo gỡ. Doanh nghiệp còn có thể tận dụng những hiệp định thương mại tự do (FTA) mà ASEAN đã kí kết với Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ, Úc, New Zealand như ưu đãi thuế quan 0%, cũng như Hiệp định đối tác toàn diện khu vực (RCEP) sắp xây dựng.

Trong thị trường chung AEC có 12 ngành công nghiệp được ưu tiên bồi đắp gồm: Sản phẩm từ nông nghiệp, hàng

THÔNG BÁO MỚI

- Thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp các đề tài, dự án SXTN năm 2017 thuộc Chương trình Hóa được 26/05/2016
- Thông báo về việc nộp hồ sơ tham gia đề xuất các nhiệm vụ năm 2017 thực hiện Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 25/05/2016
- Bộ Công Thương thông báo gia hạn thời gian ra kết luận sơ bộ vụ việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với mặt hàng thép mạ nhập khẩu (mã số vụ việc AD-02) 23/05/2016
- Danh sách thương nhân được lựa chọn của các nước thành viên Bản ghi nhớ thực hiện thí điểm tự chứng nhận xuất xứ số 2 trong ASEAN (cập nhật ngày 19/5/2016) 13/01/2016
- Mời tham gia Hội chợ triển lãm ngành hàng thực phẩm INDIA FOODEX 2016 tại Ấn Độ 19/05/2016

ĐA PHƯƠNG TIỆN

Clip kỷ niệm 65 năm Ngày truyền thống Ngành Công Thương



Trong thị trường chung AEC có 12 ngành công nghiệp được ưu tiên hội nhập gồm Sản phẩm từ nông nghiệp, hàng không (vận tải hàng không), ô tô, điện tử ASEAN, thủy sản, y tế, các sản phẩm cao su, dệt may và may mặc, du lịch, các sản phẩm gỗ và dịch vụ logistics cũng như thực phẩm, nông lâm sản.

Theo kỳ vọng, một thị trường đơn nhất đối với hàng hóa và dịch vụ sẽ thúc đẩy sự phát triển các mạng lưới sản xuất trong khu vực và tăng khả năng của ASEAN trong việc đảm nhận vai trò trung tâm sản xuất của thế giới và là một phần của dây chuyền cung ứng toàn cầu. Theo đó, các biện pháp chính mà ASEAN sẽ thực hiện để xây dựng một thị trường chung và cơ sở sản xuất thống nhất gồm: Dỡ bỏ thuế quan và các hàng rào phi thuế quan, thuận lợi hóa thương mại, hài hòa hóa các tiêu chuẩn sản phẩm (hợp chuẩn) và quy chế, giải quyết nhanh chóng hơn các thủ tục hải quan và xuất nhập khẩu, hoàn chỉnh các quy tắc về xuất xứ, tạo thuận lợi cho dịch vụ, đầu tư, tăng cường phát triển thị trường vốn ASEAN và tự do lưu chuyển của dòng vốn.

Các biện pháp nói trên đều đã và đang được các nước thành viên ASEAN triển khai cụ thể thông qua các thỏa thuận và hiệp định quan trọng như Hiệp định khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA), Hiệp định khung ASEAN về dịch vụ (AFAS), Hiệp định khung về khu vực đầu tư ASEAN (AIA), v.v...

Việt Nam nỗ lực hội nhập AEC

Cho đến nay, Việt Nam đã giảm thuế nhập khẩu cho hơn 10.000 dòng thuế xuống mức 0-5% theo Hiệp định ATIGA, chiếm khoảng 98% số dòng thuế trong biểu thuế. Việt Nam là một trong 4 thành viên ASEAN có tỷ lệ hoàn thành tốt nhất các cam kết trong lộ trình tổng thể thực hiện AEC. Việt Nam đã rất tích cực, chủ động, đề xuất nhiều sáng kiến để thúc đẩy quá trình hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN.

Việt Nam đang tích cực phối hợp với các nước để xây dựng cơ chế vận hành và các vấn đề kỹ thuật khác liên quan đến cơ sở dữ liệu thương mại ASEAN (ATR). Với mục tiêu thúc đẩy sự phát triển các mạng lưới sản xuất, thương mại trong khu vực. Việt Nam cũng đang tích cực triển khai các biện pháp khác để thực hiện cam kết về dịch vụ và đầu tư trong ASEAN để hướng tới hình thành một thị trường đơn nhất, một cơ sở sản xuất và phân phối chung.

Song song với đó, các doanh nghiệp Việt Nam cần tạo ra lợi thế và nâng cao năng lực cạnh tranh của mình trên thị trường quốc tế. Để làm được điều này, các doanh nghiệp cần tìm hiểu, nắm bắt được thông tin của đối thủ, từ đó có những chiến lược kinh doanh phù hợp cũng như khả năng ứng phó trước tình huống rủi ro, chuyên môn hóa sản phẩm mà các doanh nghiệp Việt Nam có nhiều thế mạnh, nâng cao năng suất lao động, cải thiện chất lượng sản phẩm.



- Ngành Công Thương đón nhận Huân chương Hồ Chí Minh nhân kỷ niệm 65 năm Ngày truyền thống
- Lễ trao Giải Báo chí 65 năm ngành Công Thương Việt Nam
- Thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam tham gia trực tiếp các mạng phân phối nước ngoài

Liên kết

thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng một xã hội chia sẻ, đùm bọc, hòa thuận và rộng mở nơi mà cuộc sống, mức sống và phúc lợi của người dân được nâng cao.

Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN sẽ có mối quan hệ hỗ trợ chặt chẽ và tạo thuận lợi cho việc hình thành Cộng đồng Chính trị – An ninh cũng như Cộng đồng Kinh tế ASEAN. Mục tiêu xây dựng Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN được cụ thể hóa thông qua các chương trình hợp tác cụ thể như Kế hoạch hành động Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN (ASCC POA) năm 2004, chương trình hành động Viên Chăn năm 2004 và hiện nay là kế hoạch tổng thể ASCC 2009-2015.

Kế hoạch tổng thể xây dựng Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN gồm 6 thành tố chính bao gồm: Phát triển con người; Phúc lợi và bảo hiểm xã hội; Các quyền và bình đẳng xã hội; Đảm bảo môi trường bền vững; Tạo dựng bản sắc ASEAN; Thu hẹp khoảng cách phát triển và 40 thành tố nhỏ, cùng với 340 biện pháp thực hiện trong giai đoạn 2009-2015 cũng như cơ chế thực hiện và giám sát. Tính tới tháng 12/2013, ASEAN đã hoàn thành và đang thực hiện được khoảng 86% kế hoạch tổng thể.

Cộng đồng ASEAN được xác định sẽ là một cộng đồng rộng mở với bên ngoài, do đó, ASEAN luôn chủ trương xây dựng và thúc đẩy quan hệ hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với các đối tác và phát huy vai trò trung tâm của mình trong cấu trúc hợp tác đang định hình ở khu vực. Hợp tác với các đối tác chính là sự tiếp nối của các nỗ lực hợp tác và liên kết nội khối của ASEAN. Qua đó, một mặt, ASEAN tranh thủ được sự ủng hộ và hỗ trợ của các đối tác cho tiến trình xây dựng cộng đồng của mình, mặt khác, cùng các đối tác chung ta giải quyết các vấn đề nảy sinh ở khu vực cũng như đóng góp cho việc thúc đẩy hợp tác, liên kết vì hòa bình, ổn định và phát triển chung.

D.Hiền

Tags : ASEAN cộng đồng doanh nghiệp Doanh nhân Hòa Bình hợp tác

Pin It Thich 0 Share G+ 0 Tweet Print

Bài viết đã chặn phản hồi!

TIN KHÁC ĐÃ ĐĂNG



CHUYÊN ĐỀ



Thị xã Quảng Yên: Động lực tăng tốc cho Quảng Ninh

- ▶ Điện Biên: Kiến tạo môi trường đầu tư kinh doanh minh bạch hiệu quả
- ▶ Quảng Ninh: Điểm đến thành công
- ▶ Chỉ số đánh giá chất lượng điều hành: Thước đo chất lượng
- ▶ PCI Quảng Ninh: Đổi mới – hiệu quả
- ▶ Quảng Ninh: 3 đột phá cho tăng trưởng "xanh"

SỰ KIỆN - HỘI THẢO - ĐÀO TẠO



- 2/6 Ứng dụng hiệu quả thanh toán điện tử
- 3/6 Diễn đàn Kinh tế Tư nhân Việt Nam

詳しく見る



詳しく見る

クレジットカード
人気比較.com

Cộng đồng Chính trị-An ninh ASEAN (APSC)

APSC nhằm mục tiêu là dựng một môi trường hòa bình và an ninh cho phát triển ở khu vực Đông Nam Á thông qua việc nâng cao hợp tác chính trị-an ninh trong khối ASEAN, kết hợp với sự tham gia và đóng góp xây dựng của các đối tác bên ngoài. Điều cần lưu ý là APSC không nhằm tạo ra một khối phòng thủ chung.



Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN tại Hội nghị ADMM9 ở Malasia tháng 3/2015. (Ảnh: Kim Dung-Chí Giáp/TTXVN)

Kế hoạch hành động xây dựng APSC - được thông qua tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 10 vào tháng 11/2004 đã khẳng định lại các mục tiêu và nguyên tắc cơ bản của Hiệp hội và đề ra 6 lĩnh vực hợp tác chính gồm Hợp tác chính trị; Xây dựng và chia sẻ chuẩn mực ứng xử; Ngăn ngừa xung đột; Giải quyết xung đột; Kiến tạo hòa bình sau xung đột; và Cơ chế thực hiện. Kèm theo đó là danh mục 75 hoạt động cụ thể để xây dựng APSC.

Kế hoạch tổng thể APSC 2009-2015 xác định 3 thành tố chính của APSC gồm Xây dựng một cộng đồng dựa trên các giá trị và chuẩn mực chung; Tạo dựng một khu vực gắn kết, hòa bình và tự cường với trách nhiệm chung đối với an ninh toàn diện; Hướng tới một khu vực năng động và rộng mở với bên ngoài trong một thế giới ngày càng liên kết và tùy thuộc.

Để thúc đẩy thành tố đầu tiên của APSC, ASEAN đang không ngừng tăng cường hợp tác chính trị, hình thành và chia sẻ các chuẩn mực

詳しく見る



クレジットカード
人気比較.com

liên kết và tùy thuộc.

Để thúc đẩy thành tố đầu tiên của APSC, ASEAN đang không ngừng tăng cường hợp tác chính trị, hình thành và chia sẻ các chuẩn mực thể hiện trong Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác (TAC), Hiệp ước về Khu vực Đông Nam Á không có Vũ khí hạt nhân (SEANWFZ), Tuyên bố về Ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC), thúc đẩy hợp tác an ninh biển...

Để cụ thể hóa thành tố thứ 2 - Tạo dựng một khu vực gắn kết, hòa bình và tự cường với trách nhiệm chung đối với an ninh toàn diện, ASEAN tập trung hợp tác xây dựng lòng tin, thúc đẩy đối thoại, hiểu biết lẫn nhau nhằm ngăn ngừa xung đột, thúc đẩy hợp tác về quốc phòng-an ninh, nghiên cứu các biện pháp giải quyết xung đột một cách hòa bình và hợp tác kiến tạo hòa bình sau xung đột cũng như hợp tác trên các lĩnh vực an ninh phi truyền thống.

Với thành tố thứ 3 - Hướng tới một khu vực năng động và rộng mở với bên ngoài trong một thế giới ngày càng liên kết và tùy thuộc, ASEAN tích cực tăng cường vai trò trung tâm trong hợp tác khu vực và xây dựng cộng đồng, mở rộng quan hệ với các đối tác bên ngoài, nỗ lực phát huy vị trí là động lực chính trong một cấu trúc khu vực cởi mở và minh bạch.

Các lĩnh vực hợp tác hướng tới APSC ngày càng được thúc đẩy và đi vào chiều sâu, như hợp tác quốc phòng được đẩy mạnh qua cơ chế Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN (ADMM) và ADMM Mở rộng (ADMM+); hợp tác đảm bảo an ninh biển được thúc đẩy theo khuôn khổ Diễn đàn Biển ASEAN (AMF) và Diễn đàn Biển ASEAN Mở rộng (EAMF); Ủy ban liên Chính phủ ASEAN về Nhân quyền (AICHR) được thành lập theo quy định của Hiến chương và ASEAN lần đầu tiên đã thông qua Tuyên bố về Nhân quyền (AHRD), khẳng định cam kết hợp tác thúc đẩy và bảo vệ các quyền tự do cơ bản của người dân trong khu vực...

Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC)

AEC có mục tiêu tạo ra một thị trường chung duy nhất và cơ sở sản xuất thống nhất, trong đó có sự lưu chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có tay nghề, từ đó nâng cao tính cạnh tranh và thúc đẩy sự thịnh vượng chung cho cả khu vực, tạo sự hấp dẫn với đầu tư và kinh doanh từ bên ngoài.

Sự phát triển của AEC sẽ là tiền đề thúc đẩy việc thực hiện hai trụ cột

Sự phát triển của AEC sẽ là tiền đề thúc đẩy việc thực hiện hai trụ cột còn lại.



Dây chuyền sản xuất hàng dệt may xuất khẩu tại Công ty TNHH May Tinh Lợi, Hải Dương. (Ảnh: Trần Việt/TTXVN)

Các nhà lãnh đạo ASEAN đã nhất trí thông qua Kế hoạch tổng thể về AEC với những đặc điểm và nội dung sau: Tới sau năm 2015 sẽ đưa ASEAN trở thành một thị trường duy nhất và một cơ sở sản xuất thống nhất, trong đó có sự lưu chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có tay nghề; một khu vực kinh tế có sức cạnh tranh cao; một khu vực phát triển kinh tế đồng đều, nhất là thực hiện có hiệu quả Sáng kiến liên kết ASEAN (IAI); một khu vực ASEAN hội nhập đầy đủ vào nền kinh tế toàn cầu.

Nhằm xây dựng một khu vực cạnh tranh về kinh tế, ASEAN thúc đẩy chính sách cạnh tranh, bảo vệ người tiêu dùng, bảo vệ sở hữu trí tuệ, phát triển cơ sở hạ tầng, thương mại điện tử... Hướng tới mục tiêu phát triển kinh tế đồng đều, ASEAN đã thông qua và đang triển khai Khuôn khổ ASEAN về Phát triển Kinh tế đồng đều (APEED), trong đó đáng chú ý là hỗ trợ các nước thành viên gia nhập sau, khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển.

Cộng đồng Văn hóa-Xã hội (ASCC)

Mục tiêu của ASCC là góp phần xây dựng một Cộng đồng ASEAN lấy con người làm trung tâm; có trách nhiệm xã hội nhằm xây dựng tình đoàn kết và thống nhất bền lâu giữa các quốc gia và dân tộc ASEAN bằng cách tiến tới một bản sắc chung; xây dựng một xã hội chia sẻ, đùm bọc hòa thuận và rộng mở nơi mà cuộc sống, mức sống và phúc

Cộng đồng Văn hóa-Xã hội (ASCC)

Mục tiêu của ASCC là góp phần xây dựng một Cộng đồng ASEAN lấy con người làm trung tâm; có trách nhiệm xã hội nhằm xây dựng tình đoàn kết và thống nhất bền lâu giữa các quốc gia và dân tộc ASEAN bằng cách tiến tới một bản sắc chung; xây dựng một xã hội chia sẻ, đùm bọc, hòa thuận và rộng mở nơi mà cuộc sống, mức sống và phúc lợi của người dân được nâng cao.

ASCC sẽ có mối quan hệ hỗ trợ chặt chẽ và tạo thuận lợi cho việc hình thành APSC và AEC.

Kế hoạch Tổng thể xây dựng Cộng đồng Văn hóa-Xã hội ASEAN gồm 6 thành tố chính: Phát triển con người; Phúc lợi và bảo hiểm xã hội; Các quyền và bình đẳng xã hội; Đảm bảo môi trường bền vững; Tạo dựng bản sắc ASEAN; Thu hẹp khoảng cách phát triển.

Về phát triển nguồn nhân lực, ASEAN khuyến khích phát triển giáo dục suốt đời và sử dụng ICT như những phương tiện thúc đẩy nền giáo dục ASEAN và nâng cao nhận thức về ASEAN.

Về phúc lợi và bảo trợ xã hội, ASEAN tập trung hợp tác y tế ngăn ngừa và kiểm soát bệnh dịch truyền nhiễm, HIV/AIDS, các bệnh dịch truyền nhiễm mới nổi khác; giảm nghèo, đảm bảo an ninh lương thực, năng lượng, xây dựng ASEAN không có ma túy, dự phòng và ứng phó thiên tai thảm họa...

Về các quyền và công bằng xã hội, ASEAN đẩy mạnh hợp tác thúc đẩy và bảo vệ quyền của các nhóm đối tượng yếu thế như phụ nữ, trẻ em, người già, người khuyết tật, người lao động di cư...

Về bảo đảm bền vững môi trường, ASEAN tăng cường hợp tác ứng phó với các thách thức môi trường xuyên biên giới như ô nhiễm không khí, chất thải, bảo vệ môi trường biển, đa dạng sinh học, ứng phó biến đổi khí hậu.

Về xây dựng bản sắc ASEAN và nâng cao ý thức cộng đồng, ASEAN chú trọng gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của khu vực, thúc đẩy trao đổi văn hóa, giao lưu nhân dân, đề cao nguyên tắc thống nhất trong đa dạng, tăng cường sự hiểu biết và chia sẻ giữa người dân về văn hóa, lịch sử, tôn giáo và văn minh./.

Thích Chia sẻ 13 G+ Chia sẻ 1

Xem thêm Cộng đồng ASEAN

Cộng đồng ASEAN sẽ mang đến một sức sống mới, một hơi thở sinh động cho toàn bộ khu vực vì lợi ích của hơn 600 triệu dân ASEAN và khu vực. Theo ông Phạm Quang Vinh – Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, Trưởng SOM ASEAN Việt Nam, ASEAN sẽ là một cộng đồng gắn kết về chính trị, liên kết về kinh tế và chia sẻ trách nhiệm xã hội, dựa trên ba trụ cột vững chắc là Cộng đồng Chính trị – An ninh, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Văn hóa – Xã hội, đồng thời tiếp tục phát huy mạnh mẽ vai trò trung tâm và đóng góp tích cực của mình cho hòa bình, ổn định và hợp tác phát triển ở khu vực.

1. Khởi nguồn từ sáng kiến của Indonesia, **Cộng đồng Chính trị – An ninh** (APSC) là bước phát triển cao hơn của các nỗ lực hợp tác chính trị – an ninh của ASEAN. Kế hoạch tổng thể xây dựng cộng đồng này đã được thông qua tại Hội nghị cấp cao ASEAN 14 năm 2014. Trong 157 hoạt động cụ thể được đề ra, tính đến 31/12/2013 ASEAN đã và đang thực hiện được 125 hoạt động và cần hoàn tất 32 hoạt động còn lại.

Trong năm 2015, các hình hài chính của Cộng đồng Chính trị – An ninh sẽ cơ bản được định rõ, theo đó, sẽ xây dựng một cộng đồng dựa trên các giá trị và chuẩn mực chung; sẽ tập trung xây dựng một khu vực gắn kết, hòa bình và tự cường với trách nhiệm chung về an ninh toàn diện; đồng thời hướng tới một khu vực năng động và mở rộng với bên ngoài trong một thế giới ngày càng liên kết và tùy thuộc.

2. **Cộng đồng Kinh tế** ASEAN (AEC) là một trong 3 trụ cột quan trọng của Cộng đồng ASEAN nhằm thực hiện các mục tiêu đề ra trong Tầm nhìn ASEAN 2020 và được khẳng định lại trong Tuyên bố Hòa hợp ASEAN. Kế hoạch tổng thể xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN, một bộ phận của lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN 2009-2015 đã xác định 4 thành tố chính của AEC gồm: Thị trường chung và cơ sở sản xuất thống nhất; Một khu vực kinh tế có sức cạnh tranh; Phát triển kinh tế đồng đều; Hội nhập vào kinh tế toàn cầu.

Có thể nói, AEC chính là xương sống của các nỗ lực liên kết khu vực của ASEAN và được đánh giá là trụ cột đang dẫn đầu trên chặng đường tiến tới Cộng đồng ASEAN. Tính đến tháng 7/2013, ASEAN đã thực hiện được 79,4% các chỉ tiêu của kế hoạch tổng thể xây dựng AEC.

3. Mục tiêu cơ bản của trụ cột thứ ba thể hiện trong Tuyên bố Hòa hợp ASEAN và kế hoạch Tổng thể xây dựng **Cộng đồng Văn hóa – Xã hội** ASEAN là góp phần xây dựng cộng đồng ASEAN hướng tới người dân, có trách nhiệm xã hội, xây dựng bằng tình đoàn kết và thống nhất bền lâu giữa các quốc gia và dân tộc ASEAN bằng cách tiến tới một bản sắc chung; xây dựng một xã hội chia sẻ, đùm bọc, hòa thuận và rộng mở nơi mà cuộc sống, mức sống và phúc lợi của người dân được nâng cao.

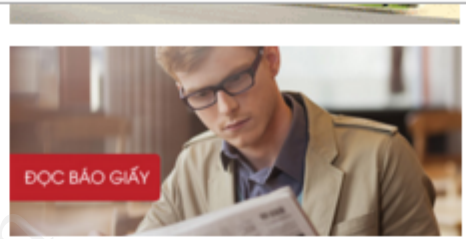
Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN sẽ có mối quan hệ hỗ trợ chặt chẽ và tạo thuận lợi

Trung Quốc khai trừ đảng, truy tố nguyên Ủy viên Bộ Chính trị Quách Bá Hùng

Quốc hội Hy Lạp chấp nhận điều kiện của các chủ nợ

Trung Quốc cách chức, khai trừ đảng Cựu Chánh Văn phòng trung ương đảng

Trung Quốc bắt ngờ phá giá đồng Nhân dân tệ



- ### TIN ĐỌC NHIỀU
- 1 "Bật mí" công nghệ giúp ông Obama phát biểu không nhìn giấy
 - 2 Tổng thống Obama thăm Nhà sản Bức Hồ
 - 3 Lịch trình "đầy đặc" và "đặc biệt" của Tổng thống Obama tại Việt Nam
 - 4 Lễ đón Tổng thống Barack Obama tại Phủ Chủ tịch
 - 5 Tổng thống Barack Obama tham quan chùa Ngọc Hoàng ở Sài Gòn

WEBLUXURY

Thiết kế **hiện đại ở tinh tế**
 Tư vấn chuyên nghiệp
 Chăm sóc website trọn đời

The Best Design

Hotline: 0944 88 8383



5

f

g

+

đang tồn tại trong thương mại quốc tế trên cơ sở thỏa thuận song phương và đa phương giữa các quốc gia. Chẳng hạn, việc giảm dần và tiến tới xóa bỏ các hàng rào thuế quan và phi thuế quan có thể thực hiện qua nhiều cách như giảm thuế nhập khẩu. Đây là phương thức mà Việt Nam đang thực hiện khi tham gia vào WTO đối với các loại hàng hóa như ô tô, linh kiện điện tử... Hàng rào phi thuế quan như hạn ngạch tuyệt đối giới hạn về lượng nhập khẩu của Mỹ, giấy phép nhập khẩu của EU cũng cần được xóa bỏ để tiến tới tự do hoá thương mại.

2 Khái quát về tự do hóa thương mại trong WTO

World Trade Organization (WTO) – tổ chức thương mại thế giới hiện có 153 quốc gia thành viên, trụ sở chính tại Geneva, Thụy Sĩ. Ngôn ngữ chính thức là tiếng Anh, Pháp và Tây Ban Nha.

Được hình thành trên cơ sở ban đầu là Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT) được ký sau thế chiến thứ 2. Trong suốt gần 50 năm cuối thế kỷ 20, GATT đóng vai trò là khung pháp lý chủ yếu của hệ thống thương mại đa phương. Cho đến ngày nay, WTO trong quá trình thực hiện các chức năng của mình đã thúc đẩy phát triển kinh tế nói chung và tự do hoá thương mại nói riêng hiệu quả, trên cả bình diện song phương và đa phương. Vì WTO thừa nhận các mục tiêu của GATT là - nâng cao mức sống; bảo đảm tạo đầy đủ việc làm, tăng thu nhập và nhu cầu thực tế một cách bền vững; phát triển việc sử dụng các nguồn lực của thế giới; mở rộng sản xuất và trao đổi hàng hoá nên WTO thực hiện các chức năng nhằm loại bỏ hay giảm thiểu các rào cản thương mại để tiến tới tự do thương mại. Có thêm một nước gia nhập WTO là có thêm một thành viên tham gia vào hệ thống thúc đẩy tự do hoá thương mại và phát triển kinh tế. WTO không trực tiếp tham gia vào việc xóa bỏ các hàng rào thương mại mà thay vào đó là tổ chức những hội nghị, những vòng đàm phán mà tại đây, các quốc gia có thể tìm kiếm những sự nhất trí chung trong việc đưa ra các giải pháp. WTO đóng một vai trò to lớn trong quá trình toàn cầu hoá tự do thương mại nói riêng và phát triển kinh tế nói chung.

- hiện biết bước đầu về quan hệ giữa pháp cộng và pháp trừ
- tuần 31 luyện tập
- biết đọc giờ đúng
- về kim đồng hồ chỉ đúng các giờ trong ngày
- một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác tiền lương theo sản phẩm ở công ty



詳しく見る



詳しく見る

クレジットカード 人気比較.com

Bình luận về tài liệu khai-quat-ve-tu-d...

0 Comments Sort by Oldest

Add a comment...

Facebook Comments Plugin



tự do thương mại nói riêng và phát triển kinh tế nói chung.

WTO đã tiến hành kí kết rất nhiều các Hiệp định liên quan đến tự do hóa thương mại, nhất là thương mại hàng hóa, song đáng quan tâm nhất hiện nay là Hiệp định GATT 1994.

3 Quá trình tự do hoá thương mại của Asean.

Hai cột mốc quan trọng của ASEAN trong thực hiện tự do hoá thương mại là việc ban hành và thực hiện PTA năm 1977, thành lập AFTA năm 1992 :

3

Nhận thức được tầm quan trọng của tự do hoá thương mại, các quốc gia Asean đã ký kết hiệp định ưu đãi thuế quan PTA năm 1977 tại Manila, Philippines. Thông qua hiệp định này, các nước thiết lập thoả thuận ưu đãi thương mại nhằm tự do hoá thương mại nội khối và đẩy mạnh buôn bán trong khu vực qua cắt giảm thuế quan. Ban đầu, PTA cắt giảm thuế quan với mức 10% và nâng lên 50%, chỉ áp dụng cắt giảm cho một số hàng hoá cơ bản như gạo, dầu thô...nên hiệu quả của PTA là không cao.

Đến thập kỷ 90, chiến tranh lạnh kết thúc, hoạt động phát triển kinh tế bùng nổ trên toàn cầu và các liên minh kinh tế dưới mô hình Khu vực thương mại tự do trở lên phổ biến. Trước tình hình đó, Asean quyết định thành lập AFTA nhằm nâng cấp tiến trình tự do hoá thương mại và giải quyết các hạn chế của PTA cũng như nâng cao quan hệ hợp tác kinh tế nội khối. AFTA vượt xa PTA trước đó với việc đưa ra mục tiêu rất lớn: tiến hành tự do hoá thương mại trong nội bộ Asean qua việc loại bỏ toàn bộ hàng rào thuế quan và phi thuế quan.

Việc đưa ra mục tiêu rất lớn: tiến hành tự do hóa thương mại trong nội bộ Asean qua việc loại bỏ toàn bộ hàng rào thuế quan và phi thuế quan.

Hệ thống văn kiện pháp lý của ASEAN về tự do hóa thương mại hàng hóa sẽ được xem xét bao gồm: Hiệp định về các thỏa thuận ưu đãi thương mại PTA, 1977, Hiệp định khung về tăng cường hợp tác kinh tế ASEAN 1992, Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung cho AFTA, 1992 cùng các nghị định thư bổ sung và sửa đổi, Hiệp định khung về hội nhập các ngành ưu tiên APIS 2004. Đáng quan tâm nhất hiện nay đó là Hiệp định về thương mại hàng hóa ASEAN: ATIGA.

II- SO SÁNH VỀ MỨC ĐỘ TỰ DO HÓA THƯƠNG MẠI HÀNG HÓA CỦA AEC VÀ WTO

Hàng hóa và dịch vụ là một trong hai yếu tố quan trọng hàng đầu trong lĩnh vực thương mại. Một khi đã nói đến thương mại thì không thể không nhắc đến hàng hóa. Do vậy, liên quan đến tự do hóa thương mại thì các quốc gia cũng như các tổ chức liên chính phủ không thể bỏ qua vấn đề tự do hóa thương mại hàng hóa. Tuy nhiên, không phải bất kỳ một quốc gia, tổ chức nào khi thực hiện tự do hóa thương mại hàng hóa cũng ở một mức độ và theo một cách thức giống nhau mà họ sẽ căn cứ vào điều kiện chính trị, xã hội, kinh tế của quốc gia mình hay của các quốc gia thành viên để quyết định. AEC và WTO cũng vậy. Bên cạnh những điểm chung thì giữa chúng cũng có sự khác biệt nhất định về mức độ và cách thức thực hiện tự do hóa thương mại hàng hóa.



Bình luận về tài liệu khai-quat-ve-tu-d...

0 Comments Sort by Oldest

Add a comment...

Facebook Comments Plugin

5

f

g

+

Để đánh giá mức độ tự do hóa thương mại hàng hóa của AEC và WTO, bài viết sẽ lần lượt xem xét dưới góc độ phạm vi (các lĩnh vực tiến hành tự do hóa) và mức độ tự do hóa đối với các lĩnh vực đó trong hai thực thể này.

- Về phạm vi tiến hành tự do hóa:

Cả AEC và WTO đều tiến hành tự do hóa thương mại hàng hóa trên các lĩnh vực, đó là: tự do hóa thuế quan, các biện pháp phi thuế quan và tự do hóa trong các quy định về xuất xứ hàng hóa, tự do hóa thủ tục hải quan, tự do hóa tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp, các biện pháp vệ sinh dịch tễ...

Lý giải cho sự giống nhau này xuất phát từ mục đích chung của AEC và WTO khi tiến hành tự do hóa thương mại. Đó là mục đích hướng tới một "khu vực thương mại tự do" mà tại đó "các rào cản thương mại được dỡ bỏ". Rào cản được hiểu là các luật lệ, chính sách, quy định hay tập quán của Chính phủ mỗi nước trong khuôn khổ pháp lý chung nhằm hạn chế hay ngăn cản hoạt động thương mại hàng hóa và dịch vụ của nước ngoài. Thuế quan và các biện pháp phi thuế quan có thể nói là hai rào cản lớn và cơ bản nhất của tiến trình tự do hóa thương mại hàng hóa. Do vậy, để có thể đạt được mục đích của mình, lẽ dĩ nhiên trước hết AEC và WTO phải tiến hành giảm bớt tiến tới xóa bỏ những rào cản này.

Bên cạnh một số lĩnh vực mà cả hai bên cùng tiến hành tự do hóa như đã trình bày, WTO còn tiến hành tự do hóa thương mại hàng hóa đối với các quy định trong nông nghiệp, dệt may, các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại, giám định hàng hóa trước khi xuống tàu, các quy định về Giấy phép nhập khẩu và mua sắm Chính phủ... Tiến trình này đã được thực hiện thông qua việc ký kết các Hiệp định như Hiệp định Nông nghiệp AoA, Hiệp định dệt may, Hiệp định về kiểm hóa trước khi xuất... Điều này là dễ hiểu bởi không những WTO là nền móng mở ra xu hướng tự do hóa thương mại trên toàn thế giới mà thậm chí ngay kể từ khi xuất phát điểm, WTO đã có trình độ phát triển cao hơn rất nhiều so với ASEAN với sự góp mặt của các cường quốc đi đầu về kinh tế.

Như vậy, xét trên phương diện phạm vi thì WTO đã thể hiện được sự ưu

Nạp tiền

Giỏ hàng

Đã xem

RFD

Bình luận về tài liệu khai-quat-ve-tu-d...

0 Comments

Sort by Oldest

Add a comment...

Facebook Comments Plugin

5 / 9 trang

Thêm vào giỏ tài liệu

Tải xuống 34 (9 trang)

Lịch sử tải xuống

Bình luận

1:23 CH

28/05/2016

hiệt của các cường quốc đi đầu về kinh tế.

Như vậy, xét trên phương diện phạm vi thì WTO đã thể hiện được sự ưu thế hơn của kẻ đi trước khi tiến hành tự do hóa trên đa dạng các lĩnh vực, gỡ bỏ được đa phần các rào cản phi thuế quan do vậy tạo điều kiện cho nhiều giao dịch thương mại được thực hiện tự do hơn so với Cộng đồng kinh tế ASEAN.

- Về mức độ tiến hành tự do hóa

Nếu như về phạm vi tiến hành tự do hóa WTO tỏ ra có ưu thế hơn thì xét về mức độ tự do hóa trong từng lĩnh vực trọng điểm thì AEC lại bộc lộ rõ ràng hơn.

5



Chẳng hạn, khi xét về mức độ tự do hóa trong lĩnh vực thuế quan, thì AEC đã tiến hành thành công việc cắt giảm thuế quan xuống 0-5% với tuyệt đại đa số các loại hàng hóa. Song, với mục tiêu tự do hóa hoàn toàn thuế quan, ATIGA tiếp tục đưa ra chương trình cắt giảm thuế quan nhằm hoàn thành AFTA. Theo quy định của ATIGA, các quốc gia thành viên sẽ xóa bỏ thuế quan (mức thuế 0%), đồng thời xóa bỏ hạn ngạch đối với tất cả các sản phẩm trong quan hệ thương mại nội

Bình luận về tài liệu khai-quat-ve-tu-d...

0 Comments Sort by Oldest

Add a comment...

Facebook Comments Plugin



Chẳng hạn, khi xét về mức độ tự do hóa trong lĩnh vực thuế quan, thì AEC đã tiến hành thành công việc cắt giảm thuế quan xuống 0-5% với tuyệt đại đa số các loại hàng hóa. Song, với mục tiêu tự do hóa hoàn toàn thuế quan, ATIGA tiếp tục đưa ra chương trình cắt giảm thuế quan nhằm hoàn thành AFTA. Theo quy định của ATIGA, các quốc gia thành viên sẽ xóa bỏ thuế quan (mức thuế 0%), đồng thời xóa bỏ hạn ngạch thuế quan đối với tất cả các sản phẩm trong quan hệ thương mại nội khối vào năm 2010 đối với ASEAN 6 và linh hoạt tới năm 2018. Trong khi đó, ở WTO với bản chất thương mại là các thành viên dành ưu đãi, nhân nhượng thuế quan cho nhau nên WTO mới chỉ thực hiện việc cắt giảm thuế quan, cụ thể, sau Vòng đàm phán Uruguay, mức thuế suất đối với hàng công nghiệp chỉ còn trung bình 3,8%, với các sản phẩm nông nghiệp thì các nước phát triển, đang phát triển đều cắt giảm thuế quan tương ứng 36% và 24%. Tuy nhiên, WTO vẫn chưa tiến tới mục tiêu xóa bỏ hoàn toàn thuế quan như AEC đã thực hiện. Thậm chí, trong việc xóa bỏ các hạn ngạch thuế quan cũng chỉ hạn chế trong lĩnh vực nông nghiệp theo quy định tại Phụ lục 1, Hiệp định Nông nghiệp AoA.

Đối với các biện pháp phi thuế quan thì việc tiến hành tự do hóa thủ tục hải quan là một vấn đề chiến lược bởi nó sẽ tạo được một hệ thống xác định giá trị hải quan của hàng hóa một cách công bằng, thống nhất, khách quan và phù hợp với các thực tiễn thương mại, ngăn cản việc sử dụng những mức giá tùy tiện hay giá định, góp phần thuận lợi hóa quá trình tự do thương mại hàng hóa. Nếu như WTO có Hiệp định CVA đưa ra các quy định về áp giá tối thiểu để tính thuế nhập khẩu, các nguyên tắc cụ thể trong việc xác định giá trị tính thuế của hàng hoá, bắt buộc các thành viên phải thực thi đúng và minh bạch thì ở AEC lại đi sâu vào việc thống nhất biểu thuế quan, thống nhất hệ thống tính giá hải quan, xây dựng hệ thống luồng xanh hải quan và thống nhất thủ tục hải quan. Rõ ràng, AEC đã có những bước tiến mạnh dạn hơn so với WTO thể hiện mức độ tự do hóa sâu sắc hơn của mình.

Đặc biệt đối với các vấn đề liên quan đến tự do hóa xuất xứ hàng hóa thì ở WTO lại trở nên vô cùng nan giải. Mặc dù WTO đã thiết lập hẳn một Hiệp định về xuất xứ hàng hóa, với mục đích nhằm hài hòa hóa các qui tắc xuất xứ trong dài hạn, thay vì các qu

Xem toàn màn hình

Bình luận về tài liệu khai-quat-ve-tu-d...

0 Comments Sort by Oldest

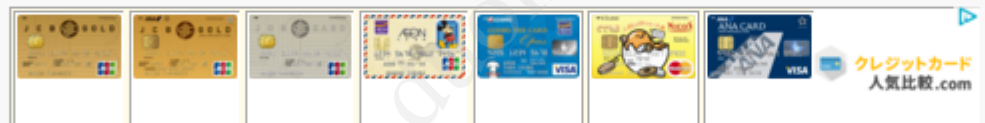
Add a comment...

Facebook Comments Plugin

định CVA đưa ra các quy định về áp gia tối thiểu để tính thuế nhập khẩu, các nguyên tắc cụ thể trong việc xác định giá trị tính thuế của hàng hoá, bắt buộc các thành viên phải thực thi đúng và minh bạch thì ở AEC lại đi sâu vào việc thống nhất biểu thuế quan, thống nhất hệ thống tính giá hải quan, xây dựng hệ thống luồng xanh hải quan và thống nhất thủ tục hải quan. Rõ ràng, AEC đã có những bước tiến mạnh dạn hơn so với WTO thể hiện mức độ tự do hóa sâu sắc hơn của mình.

Đặc biệt đối với các vấn đề liên quan đến tự do hóa xuất xứ hàng hóa thì ở WTO lại trở nên vô cùng nan giải. Mặc dù WTO đã thiết lập hẳn một Hiệp định về xuất xứ hàng hóa, với mục đích nhằm hài hòa hóa các qui tắc xuất xứ trong dài hạn, thay vì các qui tắc xuất xứ liên quan đến việc cấp ưu đãi thuế quan, và đảm bảo rằng các qui tắc xuất xứ bản thân nó không tạo ra những trở ngại không cần thiết đối với thương mại, song theo như nhận định của Mette Werdelin Azzam, một nhân viên kỹ thuật làm việc cho Tổ Chức Hải Quan Thế Giới (WCO) thì "Họ không thể nào đạt được sự đồng thuận về vấn đề dung hòa các quy định về xuất xứ trong WTO". Trong

6



Xem thêm ...

THÀNH VIÊN THƯỜNG XEM THÊM



Xem toàn màn hình

Bình luận về tài liệu khai-quat-ve-tu-d...

0 Comments Sort by Oldest

Add a comment...

Facebook Comments Plugin



LỜI MỞ ĐẦU

Toàn cầu hóa, khu vực hóa đã trở thành xu thế của nền kinh tế thế giới và chi phối các quan hệ kinh tế quốc tế, trong đó tự do hóa thương mại là một mũi nhọn. Khi các liên kết kinh tế quốc tế bắt đầu được phát triển từ cuối thập kỉ 80, làn sóng tự do hóa thương mại đã được lan rộng trên phạm vi toàn thế giới, đặc biệt là ở các nước đang phát triển.

Ngày 1/1/2005, Tổ chức thương mại Thế giới WTO ra đời với mục đích chính là loại bỏ hay giảm thiểu các rào cản thương mại để tiến tới tự do thương mại, đây là dấu mốc quan trọng trong sự phát triển của tự do thương mại trên toàn Thế giới. Do vậy, ASEAN cũng không thể nằm ngoài sự phát triển đó khi tiến hành tự do hóa thương mại trong một trụ cột quan trọng của mình - Cộng đồng kinh tế ASEAN. Tuy nhiên, cách thức thực hiện sự tự do hóa này cũng như mức độ của nó như thế nào là điều đáng quan tâm để đạt được hiệu quả cao cũng như tận dụng được mọi lợi thế của nó. Bài viết của nhóm sẽ nghiên cứu vấn đề này qua thông qua việc so sánh về cách thức và mức độ tự do hóa thương mại hàng hóa của Cộng đồng kinh tế ASEAN với Tổ chức thương mại Thế giới WTO.

I - KHÁI QUÁT VỀ TỰ DO HÓA THƯƠNG MẠI CỦA CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN (AEC) VÀ WTO

1 Khái niệm và bản chất của tự do hóa thương mại.

Tự do hóa thương mại có thể hiểu là một quá trình loại bỏ từng bước các phân biệt đối xử, giảm dần và tiến tới xóa bỏ các hàng rào thuế quan và phi thuế quan như thuế, giấy phép xuất nhập khẩu, quy định về tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá, yêu cầu kiểm dịch, phương pháp đánh thuế... giữa các quốc gia.

Nội dung cơ bản của tự do hóa thương mại là Nhà nước áp dụng các biện pháp cần thiết để từng bước giảm thiểu những trở ngại trong hàng rào thuế quan và phi thuế quan trong quan hệ mậu dịch quốc tế nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc phát triển các hoạt động thương mại quốc tế cả về bề rộng và chiều sâu. Tự do hóa thương mại trước hết nhằm thực hiện việc mở rộng quy mô xuất khẩu của mỗi nước cũng như [Xem toàn màn hình](#) kiện thuận lợi hơn cho hoạt động nhập khẩu, mở cửa thị

Phân tích ảnh hưởng của quá trình tự do hóa thương mại đến Công ty...

TỪ KHÓA LIÊN QUAN

- khái quát về sản giao dịch thương mại điện tử
- tự do hóa thương mại
- tự do hoá thương mại
- tự do hóa thương mại
- tự do hóa thương mại tại singapore và kinh nghiệm cho việt nam
- tự do hóa thương mại dịch vụ của asean trong lĩnh vực dịch vụ du lịch
- tự do hóa thương mại wto
- đề tài cấp bộ tự do hóa thương mại thế giới đặc điểm và các vấn đề nổi bật xu hướng cơ bản và tác động chủ yếu
- hai xu hướng cơ bản trong chính sách thương mại quốc tế tự do hoá thương mại và bảo hộ mậu dịch
- so sánh phạm vi mức độ và cách thức thực hiện sự tự do di chuyển dịch vụ trong thị trường nội địa châu âu với tự do hoá thương mại dịch vụ trong cộng đồng kinh tế asean
- ngành vụ ngân hàng thương mại của đại học kinh tế quốc dân
- tác động của cộng đồng kinh tế asean tới thương mại vn
- khái niệm cộng đồng kinh tế asean
- tìm hiểu về cộng đồng kinh tế asean

Bình luận về tài liệu khai-quat-ve-tu-d...

0 Comments Sort by Oldest

Add a comment...

Facebook Comments Plugin





CÔNG THÔNG TIN ĐÀO TẠO
DÀNH CHO SINH VIÊN

Xin chào bạn: Nguyễn Thị Thiện [14050593]

Chọn học kỳ: Học kỳ 2 năm 2015-2016

Xem thông báo

Đổi mật khẩu

Thoát

- » Hướng dẫn
- » Hồ sơ sinh viên
- » Cập nhật hồ sơ sinh viên
- » Kết quả đăng ký học
- » Kết quả học tập
- » Lịch thi
- » Đề cương môn học
- » Danh sách biểu mẫu
- » Gửi yêu cầu trợ giúp
- » Tài khoản truy cập Internet - Hệ thống BMS

LỊCH THI

XEM ĐĂNG KÝ THI HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2015-2016, MÃ HỌC KỲ 152

Chọn Xem lịch thi

Học kỳ 152. Học kỳ 2 năm 2015-2016

Mã sinh viên: 14050593

Tên sinh viên: Nguyễn Thị Thiện

Tổng số kỳ thi đăng ký : 5

STT	Mã KT	Kỳ thi	Ngày thi	Ca thi(Giờ thi)	H.Thức thi	Phòng	Hủy ĐK	SBD
1	152-MAT1005-01	Toán kinh tế	23/05/2016	1(07:30)	Viết	102CSS	×	399
2	152-INE2004-01	Kinh tế môi trường	23/05/2016	2(09:30)	Viết	802VU	×	149
3	152-INE2003-01	Kinh tế phát triển	27/05/2016	3(13:30)	Viết	706VU	×	169
4	152-INE3001-01	Thương mại quốc tế	30/05/2016	3(13:30)	Viết	805VU	×	127
5	152-PHI1005-01	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	13/06/2016	1(07:30)	Viết	802VU	×	187

In đăng ký thi

Số người đang online

19

Cổng thông tin đào tạo ĐHQG Hà Nội - Phát triển bởi Trung tâm Ứng dụng CNTT @2011 - 2016

144 đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Webmaster: support@vnu.edu.vn

Bài tập (1).docx

Hiện thi tất cả tệp tải xuống...

Tin tức

Bộ Ngoại giao

Chính sách đối ngoại

Thông tin báo chí

Các nước và khu vực

Ngoại vụ địa phương

Các tổ chức quốc tế

Ngoại giao văn hóa

Hội nhập quốc tế

Tin tức & Sự kiện

Ngoại giao Kinh tế

Hội nhập Kinh tế Quốc tế

Thông tin về địa phương, doanh nghiệp

Dự án Năng cao năng lực phục vụ HNQT sáu rộng của Việt Nam đến 2020

Hoạt động của các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài

Thủ tục hành chính

Thông tin Việt Nam

Tin điều ước quốc tế

HIẾN PHÁP

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

phương » Tổ chức Thương mại Thế giới WTO »

LỊCH SỬ RA ĐỜI, MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC PHÁP LÝ, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CÁC HIỆP ĐỊNH CƠ BẢN CỦA WTO

Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) là diễn đàn thương lượng về mậu dịch theo hướng tự do hoá thương mại lớn nhất toàn cầu với 153 thành viên (đến 9/2009) và chiếm tới 95% giao dịch thương mại quốc tế. Bên cạnh việc thương lượng để loại bỏ các rào cản trong thương mại, WTO còn đưa ra các nguyên tắc và cơ sở pháp lý cho thương mại quốc tế, giải quyết tranh chấp thương mại giữa các thành viên, và giám sát việc thực hiện các Hiệp định trong khuôn khổ WTO.

1. Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT) - tiền thân của tổ chức thương mại quốc tế (WTO)

Khi Chiến tranh Thế giới thứ hai vẫn còn chưa kết thúc, các nước đã nghĩ đến việc thiết lập các định chế chung về kinh tế để hỗ trợ công cuộc tái thiết sau chiến tranh. Hội nghị Bretton Woods triệu tập ở bang New Hampshire (Hoa Kỳ) năm 1944 nhằm mục đích này. Kết quả của Hội nghị Bretton Woods là sự ra đời của 2 tổ chức tài chính: Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Quốc tế (nay gọi là Ngân hàng Thế giới - WB) và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF). Một tổ chức chung về thương mại cũng được đề xuất thành lập với tên gọi Tổ chức Thương mại Quốc tế (ITO).

Phạm vi đề ra cho ITO là khá lớn, bao trùm lên cả các vấn đề việc làm, đầu tư, cạnh tranh, dịch vụ, vì thế việc đàm phán Hiến chương (hiểu cách khác là Điều lệ) của ITO diễn ra khá lâu. Trong khi đó, vì mong muốn sớm cắt giảm thuế quan để đẩy mạnh công cuộc tái thiết sau chiến tranh, năm 1946, một nhóm 23 nước đã đàm phán riêng rẽ và đạt được một số ưu đãi thuế quan nhất định. Để ràng buộc những ưu đãi đã đạt được, nhóm 23 nước này quyết định lấy một phần về chính sách thương mại trong dự thảo Hiến chương ITO, biến nó thành Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT). GATT có hiệu lực từ 1/1/1948 như một thỏa thuận tạm thời trong khi chờ ITO được thành lập. Nhưng ITO không ra đời: mặc dù Hiến chương ITO đã được thông qua tại Havana (Cuba) tháng 3/1948, nhưng việc Quốc hội Hoa Kỳ trì hoãn không phê chuẩn Hiến chương làm cho các nước khác cũng không phê chuẩn, dẫn đến ITO không trở thành hiện thực. Do vậy, GATT trở thành cơ cấu đa phương duy nhất điều chỉnh thương mại quốc tế cho đến khi WTO ra đời.

Có thể nói, trong 48 năm tồn tại của mình, GATT đã có những đóng góp to lớn vào việc thúc đẩy và đảm bảo thuận lợi hoá và tự do hoá thương mại thế giới. Số lượng các bên tham gia cũng tăng nhanh. Cho tới trước khi Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) được thành lập vào ngày 1/1/1995, GATT đã có 124 bên ký kết và đang tiếp nhận 25 đơn xin gia nhập. Nội dung của GATT ngày một bao trùm và quy mô ngày một lớn: bắt đầu từ việc giảm thuế quan cho tới các biện pháp phi thuế, dịch vụ, sở hữu trí tuệ, đầu tư, và tìm kiếm một cơ chế quốc tế giải quyết các tranh chấp thương mại giữa các quốc gia. Từ mức thuế

THÔNG BÁO TUYỂN DỤNG 2016

ĐOÀN NGAI VIỆT NAM 2015

HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Quick Links

Welcome to VIETNAM

The ASEAN Community Women's Circle of Hanoi

NGOẠI GIAO 2015 LỊCH SỬ & HỘI NHẬP

Bảo hộ công dân (+84) 981.84.84.84

nguyen_cuu_tmqt.pdf

Hiện thị tất cả tệp tải xuống...

Windows taskbar with icons for Start, Word, Chrome, Edge, File Explorer, and others. System clock shows 12:37 CH 28/05/2016.

nhờ cho thấy rằng một được bảo hộ của một quốc gia có thể đe dọa dẫn đến hành động trả đũa từ các quốc gia khác, dẫn đến mất mát niềm tin vào thương mại từ do hơn và làm cho tất cả, bao gồm cả các khu vực được bảo hộ ngay từ đầu – sa lầy vào rắc rối kinh tế nghiêm trọng.

Niềm tin là chìa khoá giúp tránh được viễn cảnh không có kẻ thắng ấy. Khi các chính phủ đều tin tưởng rằng các nước khác sẽ không tăng cường các hàng rào mậu dịch thì chính họ cũng sẽ không có ý định làm như vậy. Hệ thống thương mại WTO đóng vai trò sống còn trong việc tạo ra và củng cố niềm tin đó. Đặc biệt quan trọng là những cuộc thương lượng đưa đến những thoả thuận trên cơ sở nhất trí ý kiến và tập trung vào việc tuân thủ các nguyên tắc.

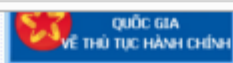
2. Giải quyết các mâu thuẫn thương mại một cách xây dựng

Do thương mại tăng lên về khối lượng, số lượng sản phẩm được trao đổi, và số lượng các nước và công ty tham gia thương mại, nên có thêm nhiều cơ hội để những tranh chấp thương mại nảy sinh. Hệ thống WTO giúp giải quyết các tranh chấp này một cách hoà bình và mang tính xây dựng.

Nếu để mặc chúng thì những tranh chấp này có thể dẫn đến những xung đột nghiêm trọng. Một trong những nguyên tắc của WTO là các thành viên có nghĩa vụ phải đưa những tranh chấp của mình tới WTO và không được đơn phương giải quyết. Khi họ đưa ra các tranh chấp ra giải quyết tại WTO, thủ tục giải quyết của WTO là tập trung chú ý của họ vào các nguyên tắc. Một khi nguyên tắc được thiết lập, các nước phải chú trọng nỗ lực tuân thủ nguyên tắc, và có lẽ sau đó tái thương lượng về các nguyên tắc – chứ không phải là tuyên chiến với nhau. Gần 200 tranh chấp đã được đưa ra giải quyết ở WTO kể từ khi tổ chức này thành lập. Nếu thiếu một phương tiện giải quyết các tranh chấp này một cách xây dựng và đồng bộ, một số tranh chấp đã có thể dẫn đến những cuộc xung đột chính trị nghiêm trọng hơn.

3. Một hệ thống dựa trên những nguyên tắc chứ không phải là sức mạnh để làm cho cuộc sống dễ dàng hơn với tất cả mọi người

WTO không thể tuyên bố sẽ làm cho tất cả các nước đều bình đẳng. Nhưng WTO thực sự làm giảm bớt một số bất bình đẳng, giúp các nước nhỏ hơn có nhiều tiếng nói hơn. Đồng thời cũng giải thoát cho các nước lớn khỏi sự phức tạp trong việc thoả thuận các hiệp định thương mại với các đối tác của mình.



vào việc thúc đẩy và đảm bảo thuận lợi hoá và tự do hoá thương mại thế giới. Số lượng các bên tham gia cũng tăng nhanh. Cho tới trước khi Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) được thành lập vào ngày 1/1/1995, GATT đã có 124 bên ký kết và đang tiếp nhận 25 đơn xin gia nhập. Nội dung của GATT ngày một bao trùm và quy mô ngày một lớn: bắt đầu từ việc giảm thuế quan cho tới các biện pháp phi thuế, dịch vụ, sở hữu trí tuệ, đầu tư, và tìm kiếm một cơ chế quốc tế giải quyết các tranh chấp thương mại giữa các quốc gia. Từ mức thuế trung bình 40% của năm 1948, đến năm 1995, mức thuế trung bình của các nước phát triển chỉ còn khoảng 4% và thuế quan trung bình của các nước đang phát triển còn khoảng 15%.

2. Sự ra đời của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)

Mặc dù đã đạt được những thành công lớn, nhưng đến cuối những năm 1980, đầu 1990, trước những biến chuyển của tình hình thương mại quốc tế và sự phát triển của khoa học-kỹ thuật, GATT bắt đầu tỏ ra có những bất cập, không theo kịp tình hình.

Trước tình hình đó các bên tham gia GATT nhận thấy cần phải có nỗ lực để củng cố và mở rộng hệ thống thương mại đa biên. Từ năm 1988 đến 1994, Hiệp định GATT và các hiệp định phụ trợ của nó đã được các nước thảo luận sửa đổi và cập nhật để thích ứng với điều kiện thay đổi của môi trường thương mại thế giới. Hiệp định GATT 1947, cùng với các quyết định đi kèm và một vài biên bản giải thích khác đã hợp thành GATT 1994. Một số hiệp định riêng biệt cũng đạt được trong các lĩnh vực như Nông nghiệp, Dệt may, Trợ cấp, Tự vệ và các lĩnh vực khác; cùng với GATT 1994, chúng tạo thành các yếu tố của các Hiệp định Thương mại đa phương về Thương mại Hàng hoá. Vòng đàm phán Uruguay cũng thông qua một loạt các quy định mới điều chỉnh thương mại Dịch vụ và Quyền Sở hữu Trí tuệ liên quan đến thương mại. Một trong những thành công lớn nhất của vòng đàm phán lần này là, cuối Vòng đàm phán Uruguay, các nước đã cho ra Tuyên bố Marrakesh thành lập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), bắt đầu đi vào hoạt động từ ngày 1/1/1995.

3. Mục tiêu và chức năng hoạt động của WTO

Với tư cách là một tổ chức thương mại của tất cả các nước trên thế giới, WTO thừa nhận các mục tiêu của GATT trong đó có 3 mục tiêu chính như sau:

- Thúc đẩy tăng trưởng thương mại hàng hóa và dịch vụ trên thế giới phục vụ cho sự phát triển ổn định, bền vững và bảo vệ môi trường.
- Thúc đẩy sự phát triển các thể chế thị trường, giải quyết các bất đồng và tranh chấp thương mại giữa các thành viên trong khuôn khổ của hệ thống thương mại đa phương, phù hợp với nguyên tắc cơ bản của Công pháp quốc tế; bảo đảm cho các nước đang phát triển đặc biệt là các nước kém phát triển được hưởng những lợi ích thực chất từ sự tăng trưởng của thương mại quốc tế.
- Nâng cao mức sống, tạo công ăn việc làm cho người dân các nước thành viên, đảm bảo các quyền và tiêu chuẩn lao động đối thiểu.

Các quyết định và hiệp định của WTO được thực hiện bằng nhất trí ý kiến. Các hiệp định này áp dụng cho mọi người. Các nước giàu cũng như nước nghèo đều có thể bị chất vấn nếu họ vi phạm một hiệp ước, và họ có quyền chất vấn các nước khác trong quy trình giải quyết tranh chấp của WTO. Thiếu một cơ chế đa phương kiểu hệ thống WTO, các nước mạnh hơn sẽ càng được tự do đơn phương áp đặt ý muốn của mình cho các nước yếu hơn. Các nước lớn hơn cũng được hưởng những lợi ích tương xứng. Các cường quốc kinh tế có thể sử dụng diễn đàn duy nhất của WTO để thương lượng với tất cả hay với hầu hết các đối tác thương mại của họ cùng một lúc.

Trên thực tế, có riêng một hệ thống nguyên tắc áp dụng với tất cả các nước thành viên, điều đó đã đơn giản hoá rất nhiều toàn bộ cơ chế thương mại.

4. Thương mại tự do hơn giúp giảm chi phí cuộc sống

Hệ thống toàn cầu WTO đã giảm bớt các hàng rào mậu dịch thông qua thương lượng và áp dụng nguyên tắc không phân biệt đối xử. Kết quả là chi phí sản xuất giảm, giá hàng hoá thành phẩm và dịch vụ giảm và cuối cùng là chi phí cuộc sống thấp hơn.

Cho đến nay, các hàng rào mậu dịch đã giảm đi rất nhiều so với trước đây. Các hàng rào này còn tiếp tục được giảm và tất cả chúng ta đều có lợi.

5. Đem đến cho người tiêu dùng nhiều lựa chọn hơn, và phạm vi chất lượng rộng hơn để lựa chọn

Hiện nay chúng ta có thể có được tất cả các hàng hoá bởi chúng ta có thể nhập khẩu chúng. Nhập khẩu cho phép chúng ta có nhiều lựa chọn hơn – cả hàng hoá và dịch vụ lẫn phạm vi chất lượng. Thậm chí chất lượng của hàng sản xuất nội địa có thể nâng lên do chính sự cạnh tranh từ hàng nhập khẩu. Nhiều lựa chọn hơn không đơn giản là vấn đề người tiêu dùng mua hàng thành phẩm của nước ngoài. Hàng nhập khẩu còn được sử dụng làm nguyên liệu, linh kiện và thiết bị cho sản xuất trong nước.

Điều này mở rộng phạm vi của các thành phẩm và dịch vụ do các nhà sản xuất trong nước làm và nó làm tăng phạm vi những công nghệ mà họ có thể sử dụng. Chẳng hạn, khi thiết bị điện thoại di động trở nên phổ biến, các dịch vụ phát triển mạnh, thậm chí ngay tại nước không hề sản xuất thiết bị. Đôi khi, sự thành công của một sản phẩm hay dịch vụ phụ thuộc tại thị trường

viên, đảm bảo các quyền và tiêu chuẩn lao động đối thiểu.

Theo như Hiệp định Marrakesh về thành lập WTO, tổ chức này có năm chức năng cơ bản như sau:

- Thống nhất quản lý việc thực hiện các hiệp định và thỏa thuận thương mại đa phương và nhiều bên; giám sát, tạo thuận lợi, kể cả trợ giúp kỹ thuật cho các nước thành viên thực hiện nghĩa vụ thương mại quốc tế của họ.
- Là khuôn khổ thể chế để tiến hành các vòng đàm phán thương mại đa phương trong khuôn khổ WTO, theo quyết định của Hội nghị Bộ trưởng WTO.
- Là cơ chế giải quyết tranh chấp giữa các nước thành viên liên quan đến việc thực hiện và giải thích Hiệp định WTO và các hiệp định thương mại đa phương.
- Là cơ chế kiểm điểm chính sách thương mại của các nước thành viên, bảo đảm thực hiện mục tiêu thúc đẩy tự do hóa thương mại và tuân thủ các quy định của WTO.
- Thực hiện việc hợp tác với các tổ chức kinh tế quốc tế khác như Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và Ngân hàng Thế giới (WB) trong việc hoạch định những chính sách và dự báo về xu hướng phát triển tương lai của nền kinh tế toàn cầu.

4. Nguyên tắc pháp lý của WTO

WTO hoạt động dựa trên một bộ các luật lệ và quy tắc tương đối phức tạp, bao gồm trên 80 hiệp định, phụ lục, quyết định và giải thích khác nhau điều chỉnh hầu hết các lĩnh vực thương mại quốc tế. Tuy vậy, tất cả các văn bản đó đều được xây dựng trên cơ sở 4 nguyên tắc pháp lý nền tảng là: tối huệ quốc, đãi ngộ quốc gia, mở cửa thị trường và cạnh tranh công bằng.

- Nguyên tắc tối huệ quốc (MFN)

Tối huệ quốc, viết tắt theo tiếng Anh là MFN (Most favoured nation), là nguyên tắc pháp lý quan trọng nhất của WTO. Theo nguyên tắc MFN, WTO yêu cầu một nước thành viên phải áp dụng thuế quan và các quy định khác đối với hàng hoá nhập khẩu từ các nước thành viên khác nhau (hoặc hàng hoá xuất khẩu tới các nước thành viên khác nhau) một cách bình đẳng, không phân biệt đối xử. Điều đó có nghĩa là nếu một nước thành viên dành cho sản phẩm từ bất kỳ nước thành viên nào mức thuế quan hay bất kỳ một ưu đãi nào khác thì cũng phải dành mức thuế quan hoặc ưu đãi đó cho sản phẩm tương tự của tất cả các quốc gia thành viên khác một cách ngay lập tức và vô điều kiện. WTO cũng cho phép các nước thành viên được duy trì một số ngoại lệ của nguyên tắc này.

- Nguyên tắc đãi ngộ quốc gia (NT)

Đãi ngộ quốc gia, viết tắt theo tiếng Anh là NT (National Treatment), nguyên tắc NT yêu cầu một nước phải đối xử bình đẳng và công bằng giữa hàng hoá nhập khẩu và hàng hoá tương tự sản xuất trong nước. Nguyên tắc này quy định rằng, bất kỳ một sản phẩm nhập khẩu nào, sau khi đã qua biên giới (đã trả xong thuế hải quan và các chi phí khác tại cửa khẩu) sẽ được hưởng sự đối xử không kém ưu đãi hơn sản phẩm tương tự sản xuất trong nước.

cho sản xuất trong nước.

Điều này mở rộng phạm vi của các thành phẩm và dịch vụ do các nhà sản xuất trong nước làm và nó làm tăng phạm vi những công nghệ mà họ có thể sử dụng. Chẳng hạn, khi thiết bị điện thoại di động trở nên phổ biến, các dịch vụ phát triển mạnh, thậm chí ngay tại nước không hề sản xuất thiết bị. Đôi khi, sự thành công của một sản phẩm hay dịch vụ nhập khẩu tại thị trường trong nước cũng có thể khuyến khích các nhà sản xuất trong nước cạnh tranh, làm gia tăng lựa chọn nhãn hàng hoá sẵn có cho người tiêu dùng cũng như tăng phạm vi hàng hoá và dịch vụ sản xuất trong nước. Nếu thương mại cho phép chúng ta nhập khẩu nhiều hơn, nó cũng cho phép những người khác mua nhiều hàng sản xuất của chúng ta hơn. Nó làm tăng thu nhập của chúng ta, cung cấp cho chúng ta những phương tiện để hưởng sự lựa chọn gia tăng đó.

6. Thương mại làm tăng thu nhập

Giảm bớt hàng rào thương mại cho phép thương mại tăng trưởng, điều này làm tăng thu nhập – cả thu nhập quốc dân và thu nhập cá nhân.

Dự tính của WTO về tác động của các thoả thuận thương mại tại vòng đàm phán Uruguay 1994 là thu nhập của thế giới có thêm từ 109 tỷ USD đến 510 tỷ USD.

Thương mại cũng làm nảy sinh những thách thức khi các nhà sản xuất trong nước phải đối mặt với sự cạnh tranh của hàng nhập khẩu. Nhưng thực tế rằng có nguồn thu nhập bổ sung có nghĩa là sẵn có nhiều nguồn lực để các chính phủ tái phân phối lợi nhuận từ những người được lợi nhiều nhất, chẳng hạn để giúp các công ty và công nhân thích ứng bằng cách trở nên năng suất và có khả năng cạnh tranh hơn trong lĩnh vực mà họ đã và đang làm, hoặc bằng cách chuyển sang các hoạt động mới.

7. Thương mại kích thích tăng trưởng kinh tế và đó có thể là tin tốt lành cho vấn đề việc làm

Trên thực tế đã có bằng chứng căn cứ trên sự việc cho thấy rằng việc giảm các rào cản thương mại là điều kiện tốt cho công ăn việc làm. Nhưng bức tranh này rất phức tạp do nhiều yếu tố. Tuy nhiên, bảo hộ cũng không phải là cách để giải quyết các vấn đề việc làm.

kém ưu đãi hơn sản phẩm tương tự sản xuất trong nước.

- Nguyên tắc mở cửa thị trường

Nguyên tắc "mở cửa thị trường" hay còn gọi là "tiếp cận thị trường" (market access) thực chất là mở cửa thị trường cho hàng hóa, dịch vụ và đầu tư nước ngoài vào. Trong thương mại đa phương, khi tất cả các bên tham gia đều chấp nhận mở cửa thị trường của mình thì điều đó đồng nghĩa với việc tạo ra một hệ thống thương mại toàn cầu mở cửa. Về mặt chính trị, "tiếp cận thị trường" thể hiện nguyên tắc tự do hóa thương mại của WTO, về mặt pháp lý, "tiếp cận thị trường" thể hiện nghĩa vụ có tính chất ràng buộc thực hiện những cam kết về mở cửa thị trường mà nước này đã chấp thuận khi đàm phán gia nhập WTO.

- Nguyên tắc cạnh tranh công bằng

Cạnh tranh công bằng (fair competition) thể hiện nguyên tắc "tự do cạnh tranh trong những điều kiện bình đẳng như nhau". Việc thúc đẩy cạnh tranh công bằng bằng cách loại bỏ các hoạt động mang tính "không công bằng" như trợ cấp sản xuất, trợ cấp xuất khẩu, bán phá giá nhằm tranh giành thị phần.

5. Cơ cấu tổ chức của WTO

Hiện nay, WTO có 153 nước thành viên (tính đến tháng 9/2009), Đại Hội đồng WTO đã chấp thuận Cape Verde là thành viên thứ 153 của WTO).

Cơ quan quyền lực cao nhất của WTO là Hội nghị Bộ trưởng, họp ít nhất hai năm một lần, là cơ quan đưa ra quyết định đối với mọi vấn đề của bất kỳ hiệp định cụ thể nào. Thông thường, Hội nghị Bộ trưởng đưa ra các đường lối, chính sách chung để các cơ quan cấp dưới tiến hành triển khai.

Dưới Hội nghị Bộ trưởng là Đại Hội đồng, tiến hành các công việc hàng ngày của WTO trong thời gian giữa các Hội nghị Bộ trưởng, thông qua ba cơ quan chức năng là: Đại Hội đồng, Cơ quan Giải quyết Tranh chấp (DSB) và Cơ quan Rà soát Chính sách Thương mại (TPRB).

Đại Hội đồng giải quyết các vấn đề của WTO thay mặt cho Hội nghị Bộ trưởng và báo cáo lên Hội nghị Bộ trưởng. Đại Hội đồng cũng đồng thời đóng vai trò là Cơ quan Giải quyết Tranh chấp (DSB) và Cơ quan Rà soát chính sách (TPRB).

Cơ quan Giải quyết Tranh chấp được phân ra làm Ban Hội thẩm (Panel) và Ủy ban Kháng nghị (Appellate). Các tranh chấp trước hết sẽ được đưa ra Ban Hội thẩm để giải quyết. Nếu như các nước không hài lòng và đưa ra kháng nghị thì Ủy ban Kháng nghị sẽ có trách nhiệm xem xét vấn đề.

Dưới Đại Hội đồng, WTO có ba Hội đồng về ba lĩnh vực thương mại cụ thể là Hội đồng Thương mại Hàng hoá, Hội đồng Thương mại Dịch vụ và Hội đồng về Quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại. Các hội đồng này có các cơ quan cấp dưới (các ủy ban và các tiểu ban) để thực thi các công việc cụ thể trong từng lĩnh vực. (Ví dụ, Hội đồng Thương mại Hàng hoá có 11 ủy ban, 2 nhóm công tác và Cơ quan Giám sát Hàng dệt, Hội đồng Thương mại Dịch vụ có 2 ủy ban, 2 nhóm công tác...).

7. Thương mại kích thích tăng trưởng kinh tế và đó có thể là tin tốt lành cho vấn đề việc làm

Trên thực tế đã có bằng chứng căn cứ trên sự việc cho thấy rằng việc giảm các rào cản thương mại là điều kiện tốt cho công ăn việc làm. Nhưng bức tranh này rất phức tạp do nhiều yếu tố. Tuy nhiên, bảo hộ cũng không phải là cách để giải quyết các vấn đề việc làm.

Có ít nhất hai luận điểm được chỉ ra về vấn đề này. Thứ nhất, sẽ có những nhân tố khác xuất hiện. Chẳng hạn, tiến bộ công nghệ cũng có tác động mạnh đến việc làm và năng suất lao động, làm lợi cho một số loại công việc song lại làm tổn thương một số khác. Thứ hai, trong khi thương mại rõ ràng là làm tăng thu nhập quốc dân (và sự thịnh vượng), điều này không phải luôn được hiểu là tạo ra công ăn việc làm mới cho những người bị mất việc do sự cạnh tranh của hàng nhập khẩu.

Có nhiều tình huống cho thấy rằng cơ hội đã được nắm bắt – đó là những trường hợp thương mại tự do hơn có lợi cho việc làm. Ủy ban EU tính toán rằng việc thiết lập thị trường duy nhất của nó có nghĩa là có thêm khoảng từ 300.000 đến 900.000 việc làm nữa so với lúc không có thị trường duy nhất. Thực tế cũng cho thấy, chế độ bảo hộ đã làm hại công ăn việc làm như thế nào. Ví dụ điển hình là ngành công nghiệp xe hơi của Mỹ. Các hàng rào mậu dịch được thiết lập để bảo vệ việc làm ở nước này bằng cách hạn chế nhập khẩu từ Nhật Bản lại dẫn đến việc làm cho xe hơi ở Mỹ đắt thêm, lượng xe hơi vì thế được bán ít đi và việc làm giảm.

8. Các nguyên tắc cơ bản làm cho hệ thống có hiệu quả hơn, và giảm bớt chi phí

Thương mại cho phép thực hiện phân công lao động giữa các nước. Nó cho phép sử dụng một cách phù hợp và hiệu quả các nguồn lực vào sản xuất. Nhưng hệ thống thương mại WTO còn đem lại nhiều hơn như thế. Nó giúp làm tăng hiệu quả và thậm chí còn giảm bớt chi phí nhiều hơn bởi những nguyên tắc quan trọng được thiết lập trong hệ thống.

Không phân biệt đối xử chỉ là một trong những nguyên tắc của hệ thống thương mại WTO. Những nguyên tắc khác gồm có:

* Minh bạch. Thông tin rõ ràng về các chính sách, nguyên tắc và quy định.

ban kháng nghị (Appellate). Các tranh chấp được đặt sẽ được đưa ra ban hội thẩm để giải quyết. Nếu như các nước không hài lòng và đưa ra kháng nghị thì Ủy ban Kháng nghị sẽ có trách nhiệm xem xét vấn đề.

Dưới Đại Hội đồng, WTO có ba Hội đồng về ba lĩnh vực thương mại cụ thể là Hội đồng Thương mại Hàng hoá, Hội đồng Thương mại Dịch vụ và Hội đồng về Quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại. Các hội đồng này có các cơ quan cấp dưới (các ủy ban và các tiểu ban) để thực thi các công việc cụ thể trong từng lĩnh vực. (Ví dụ, Hội đồng Thương mại Hàng hoá có 11 ủy ban, 2 nhóm công tác và Cơ quan Giám sát Hàng dệt, Hội đồng Thương mại Dịch vụ có 2 ủy ban, 2 nhóm công tác...).

Tương đương với các Hội đồng này, WTO còn có một số ủy ban, có phạm vi chức năng nhỏ hơn, nhưng cũng báo cáo trực tiếp lên Đại Hội đồng, đó là các Ủy ban về Thương mại và Phát triển, Thương mại và Môi trường, Hiệp định Thương mại Khu vực, Hạn chế bảo vệ Cán cân Thanh toán, Ủy ban về Ngân sách, Tài chính và Quản lý, và Tiểu ban về các nước Chậm phát triển. Bên cạnh các ủy ban đó là các Nhóm công tác về Gia nhập, và Nhóm Công tác về Mối quan hệ giữa Đầu tư và Thương mại, về Tác động qua lại giữa Thương mại và Chính sách cạnh tranh, về Minh bạch hoá Mua sắm của Chính phủ. Ngoài ra còn có hai ủy ban về các hiệp định nhiều bên.

Một cơ quan quan trọng của WTO là Ban Thư ký WTO đứng đầu là Tổng Giám đốc, dưới đó là 4 Phó Tổng Giám đốc, phụ trách từng mảng cụ thể. Ban Thư ký có khoảng 500 nhân viên, có trụ sở tại Geneva, với nhiệm vụ chính là:

- Hỗ trợ về kỹ thuật và quản lý cho các cơ quan chức năng của WTO (các hội đồng, ủy ban, tiểu ban, nhóm đàm phán) trong việc đàm phán và thực thi các hiệp định;
- Trợ giúp kỹ thuật cho các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước chậm phát triển;
- Phân tích các chính sách thương mại và tình hình thương mại;
- Hỗ trợ trong việc giải quyết tranh chấp thương mại liên quan đến việc diễn giải các quy định, luật lệ của WTO;
- Xem xét vấn đề gia nhập của các nước và tư vấn cho các nước này.

6. Các hiệp định cơ bản của WTO

Các Hiệp định của WTO điều chỉnh 3 lĩnh vực chính là hàng hoá, dịch vụ và quyền sở hữu trí tuệ. Các Hiệp định này đưa ra các nguyên tắc cho tự do hoá thương mại để trên cơ sở đó các thành viên WTO đưa ra những cam kết cắt giảm thuế quan, dỡ bỏ các hàng rào thương mại và mở cửa thị trường dịch vụ. Sau đây là danh mục các hiệp định cơ bản trong WTO:

Hiệp định thành lập Tổ chức Thương mại Thế giới

Phụ lục 1: Phụ lục 1A gồm 20 hiệp định đa phương về thương mại hàng hóa; Phụ lục 1B là Hiệp định đa phương về thương mại dịch vụ (GATS); Phụ lục 1C là Hiệp định đa phương về các khía cạnh liên quan đến thương mại của sở hữu trí tuệ (TRIPS).

* Minh bạch. Thông tin rõ ràng về các chính sách, nguyên tắc và quy định.

* Tin chắc vào các điều kiện thương mại. Những cam kết cắt giảm các hàng rào thương mại và làm tăng khả năng tiếp cận các thị trường của một số nước cho các nước khác có sự ràng buộc pháp lý.

* Đơn giản hoá và chuẩn hoá các thủ tục hải quan, xoá bỏ tình trạng quan liêu, tập trung hoá cơ sở dữ liệu thông tin và các biện pháp khác được thiết lập nhằm đơn giản hoá thương mại theo phương châm 'kích thích thương mại'.

Tất cả những nguyên tắc này làm cho thương mại đơn giản hơn, giảm bớt phí tổn cho các công ty, tăng niềm tin vào tương lai. Đối lại, điều đó cũng có nghĩa là có nhiều việc làm hơn, người tiêu dùng có hàng hoá và dịch vụ tốt hơn.

9. Hệ thống này bảo vệ các chính phủ khỏi những quyền lợi hẹp hòi

Hệ thống GATT/WTO phát triển trong nửa cuối của thế kỷ XX giúp cho các chính phủ có một nhãn quan cân bằng hơn về chính sách thương mại. Các chính phủ vững vàng hơn trong việc tự bảo vệ mình tránh khỏi những vận động ngoài hành lang của những nhóm có quyền lợi hẹp hòi bằng việc tập trung vào những cân đối vì lợi ích của tất cả mọi người trong nền kinh tế.

Một trong những bài học nổi bật của chủ nghĩa bảo hộ nổi bật trong những thập kỷ đầu thế kỷ XX là có thể gây ra thiệt hại nếu những quyền lợi cục bộ hẹp hòi chiếm ưu thế về ảnh hưởng chính trị. Kết quả là một chính sách ngày càng hạn chế mà đã dẫn đến một cuộc chiến tranh thương mại không có ai thắng chỉ toàn kẻ bại. Các chính phủ phải được vũ trang để chống lại sức ép của những nhóm quyền lợi hẹp hòi, và hệ thống thương mại WTO có thể giúp được điều này.

Hệ thống GATT/WTO bao trùm một phạm vi rất rộng. Vì vậy, nếu trong một cuộc thương lượng thương mại GATT/WTO có một nhóm áp lực vận động chính phủ của mình phải coi nhóm là một trường hợp đặc biệt cần được bảo hộ thì chính phủ có thể chống lại sức ép bảo hộ bằng cách lập luận rằng chính phủ cần phải có một thoả thuận trên phạm vi rộng để bảo đảm rằng mọi khu vực trong nền kinh tế đều có lợi.

10. Hệ thống khuyến khích chính phủ hoạt động tốt

10. Hệ thống khuyến khích chính phủ hoạt động tốt

Theo các nguyên tắc của WTO, khi đã có cam kết tự do hoá một khu vực thương mại nào đó, thì khó có thể đảo ngược được. Các nguyên tắc cũng không khuyến khích những chính sách thiếu thận trọng. Đối với giới kinh doanh, điều này có nghĩa là độ chắc chắn cao hơn và rõ ràng hơn về các điều kiện thương mại. Đối với các chính phủ, điều này thường đồng nghĩa với kỷ luật tốt.

Các cam kết bao gồm những cam kết không sa vào những chính sách thiếu thận trọng. Chủ nghĩa bảo hộ nhìn chung không phải là một giải pháp khôn ngoan bởi những thiệt hại do nó gây ra trong nước và trên trường quốc tế.

Một hình thức hàng rào thương mại đặc biệt gây thêm thiệt hại vì chúng tạo cơ hội cho tham nhũng và những mô hình chính phủ xấu xa khác.

Một loại rào cản thương mại mà các nguyên tắc của WTO cố gắng giải quyết là hạn ngạch. Do hạn ngạch hạn chế cung nên đẩy giá cả tăng lên một cách giả tạo, đồng thời tạo ra một số lợi nhuận lớn khác thường. Các nhà kinh tế gọi đó là 'thuế hạn ngạch'. Lợi nhuận này có thể được dùng để gây ảnh hưởng đối với các chính sách, vì cũng có nhiều tiền hơn để thực hiện các cuộc vận động ngoài hành lang. Nói cách khác, hạn ngạch là một biện pháp hạn chế thương mại đặc biệt tồi tệ. Thông qua các nguyên tắc của WTO các chính phủ đã nhất trí rằng họ không khuyến khích sử dụng hạn ngạch.

Tuy nhiên, nhiều loại hạn ngạch khác nhau vẫn được áp dụng ở hầu hết các nước, và nhiều chính phủ lập luận rằng hạn ngạch rất cần thiết. Song họ bị các hiệp định của WTO ràng buộc và có những cam kết giảm bớt hay loại bỏ nhiều loại hạn ngạch, đặc biệt là đối với ngành dệt.

Nhiều lĩnh vực khác của các hiệp định WTO cũng có thể giúp giảm bớt tệ tham nhũng và chính phủ xấu xa. Sự minh bạch, các tiêu chí rõ ràng hơn về các quy định đối với sự an toàn và chuẩn mực của sản phẩm, và sự không phân biệt đối xử cũng giúp giảm bớt tình trạng gian dối và việc ra quyết định mang tính độc đoán.

Thực sự các chính phủ đã dùng WTO như là một sức ép bên ngoài đáng được hoan nghênh đối với các chính sách của họ.

- Đàm phán FTA Việt Nam - EU
- Cộng đồng kinh tế ASEAN
- Công ước Viên 1980 (CISG)

PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

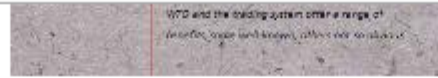
ĂN PHẨM

- Bản tin
- Các cam kết gia nhập WTO của Việt Nam
- Tóm tắt các hiệp định WTO
- Các ấn phẩm khác

SỰ KIỆN

HỎI ĐÁP

TRUNG TÂM WTO



Hệ thống GATT/WTO là một chủ thể kiến tạo niềm tin quan trọng. Các cuộc chiến tranh thương mại những năm 1930 là bằng chứng cho thấy rằng chủ nghĩa bảo hộ có thể dễ dàng đẩy các nước vào một tình thế trong đó không có kẻ thắng mà chỉ toàn người thua.

1. Hệ thống này giúp gìn giữ hoà bình

Hoà bình phần nào là một thành quả của hai nguyên tắc cơ bản nhất của hệ thống thương mại: giúp thương mại được thuận buồm xuôi gió và đưa đến cho các nước một lối thoát bình đẳng và mang tính xây dựng để giải quyết những bất đồng về các vấn đề thương mại. Đó cũng là một kết quả của sự hợp tác và lòng tin quốc tế do hệ thống này tạo ra và duy trì.

Lịch sử bị vấy bẩn bởi những tranh chấp thương mại dẫn đến chiến tranh. Một trong những ví dụ sống động nhất là cuộc chiến tranh thương mại những năm 1930, khi các nước cạnh tranh với nhau nhằm tăng thêm các hàng rào mậu dịch để bảo vệ các nhà sản xuất trong nước và để trả đũa rào cản của các nước khác. Điều này càng làm cho cuộc đại suy thoái thêm tồi tệ và cuối cùng góp phần làm bùng nổ Chiến tranh Thế giới thứ 2.

Hai bước phát triển ngay Chiến tranh Thế giới thứ 2 đã giúp tránh được nguy cơ những căng thẳng thương mại thời kỳ trước chiến tranh xuất hiện trở lại. Thứ nhất, ở châu Âu, hợp tác quốc tế phát triển trong các ngành công nghiệp than, sắt và thép. Thứ hai, trên phạm vi toàn cầu, Hiệp định chung về thương mại và thuế quan (GATT) đã hình thành.

Cả 2 bước phát triển trên đều tỏ ra thành công, thành công đến mức hiện nay chúng được mở rộng rất mạnh – một trở thành Liên minh châu Âu và một trở thành Tổ chức Thương mại Thế giới.

Hệ thống GATT/WTO là một chủ thể kiến tạo niềm tin quan trọng. Các cuộc chiến tranh thương mại những năm 1930 là bằng chứng cho thấy rằng chủ nghĩa bảo hộ có thể dễ dàng đẩy các nước vào một tình thế trong đó không có kẻ thắng mà chỉ toàn người thua. Quan điểm bảo hộ thiên cận cho rằng việc bảo vệ một số khu vực nhất định chống lại hàng nhập khẩu là rất có lợi. Những quan điểm này lại lờ đi chuyện các nước khác sẽ phản ứng như thế nào. Thực tế dài hạn hơn cho thấy rằng một bước bảo hộ của một quốc gia có thể dễ dàng dẫn đến hành động trả đũa từ các quốc gia khác, dẫn đến mất mát niềm tin vào thương mại từ đó hơn và làm cho tất cả,